

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THỊ VÂN ANH

**HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TỪ THỰC TIỄN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 8.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

TS. HOÀNG THỊ NGÂN

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các tài liệu, số liệu sử dụng trong luận văn là chính xác và trung thực, đảm bảo độ tin cậy. Những kết quả của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác, nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Lê Thị Vân Anh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ	9
1.1. Khái niệm trợ giúp pháp lý	9
1.2. Đặc điểm, ý nghĩa của trợ giúp pháp lý	17
1.3. Người được trợ giúp pháp lý.....	21
1.4. Tổ chức và hoạt động Trợ giúp pháp lý.....	23
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động Trợ giúp pháp lý.....	37
Chương 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TẠI.....	40
THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	40
2.1. Thực trạng ban hành văn bản pháp luật	40
2.2. Thực trạng kết quả hoạt động Trợ giúp pháp lý	43
2.3. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động Trợ giúp pháp lý tại Hà Nội	55
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI	60
3.1. Phương hướng đảm bảo hiệu quả hoạt động Trợ giúp pháp lý tại thành phố Hà Nội	60
3.2. Giải pháp đảm bảo hiệu quả hoạt động Trợ giúp pháp lý tại thành phố Hà Nội	64
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	77

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TGPL : Trợ giúp pháp lý

TW : Trung ương

UBND : Ủy ban nhân dân

XHCN : Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hơn 20 năm về trước, tại văn bản số 485/CV-VPTW ngày 31/5/1995 của Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Bí thư TW Đảng đã chỉ đạo: “... *Cần phải mở rộng loại hình tư vấn pháp luật phổ thông, đáp ứng nhu cầu rộng rãi, đa dạng của các tầng lớp nhân dân nhằm góp phần nâng cao ý thức pháp luật và ứng xử pháp luật của công dân trong quan hệ đời sống hàng ngày...; cần nghiên cứu lập hệ thống dịch vụ tư vấn pháp luật không lấy tiền để hướng dẫn nhân dân sống và làm việc theo pháp luật*”. Đây là quan điểm mang dấu ấn quan trọng cho quá trình chuyển biến sâu sắc, mạnh mẽ và toàn diện trong nhận thức và hoạt động của đời sống pháp luật, tạo tiền đề chính trị và nhận thức cho sự ra đời và phát triển của hoạt động TGPL.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư TW Đảng, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tư pháp và Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) đã chủ động nghiên cứu, triển khai thí điểm thành lập các Trung tâm TGPL của nhà nước tại Cần Thơ (tháng 7/1996) và Hà Tây (tháng 01/1997). Việc thí điểm triển khai TGPL ở 02 địa phương nói trên cho thấy, nhân dân địa phương đón nhận hoạt động này như một chính sách xã hội rộng lớn của Đảng và Nhà nước. Tại kỳ họp lần thứ 3 (năm 1997), Ban Chấp hành TW Đảng khoá VIII tiếp tục khẳng định cần “*tổ chức hình thức tư vấn pháp luật cho các cơ quan, tổ chức và nhân dân, tạo điều kiện cho người nghèo được hưởng dịch vụ tư vấn pháp luật miễn phí...*”.

Ngày 06/9/1997, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 734/TTg về việc thành lập tổ chức Trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách; thành lập Cục TGPL trực thuộc Bộ Tư pháp. Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung tâm TGPL trực thuộc Sở Tư

pháp được thành lập. Có thể nói Quyết định số 734/TTg của Thủ tướng Chính phủ đã đặt dấu mốc quan trọng khẳng định việc giúp người dân tiếp cận pháp luật và công lý cũng như thực hiện sự nghiệp xóa đói, giảm nghèo, đền ơn, đáp nghĩa là một chủ trương đúng đắn.

Ngày 13/5/1998, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 1914/QĐ-UB thành lập Trung tâm TGPL Nhà nước TP Hà Nội. Ngày 15/12/1998, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 71/1998/QĐ-UB ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL nhà nước thành phố. Và Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Hà Tây được thành lập thí điểm ngày 28/01/1997 theo Quyết định số 74/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tây, là một trong 2 Trung tâm TGPL thành lập, triển khai thí điểm đầu tiên của cả nước (Cần Thơ và Hà Tây). Đến ngày 01/8/2008, Hà Nội được mở rộng trên cơ sở hợp nhất toàn bộ tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh-Vĩnh Phúc và 4 xã của huyện Lương Sơn - Hoà Bình theo Nghị quyết số 15/2008/QH12 ngày 29/5/2008 của Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan. Trên cơ sở địa giới hành chính mới, ngày 30/10/2008 UBND thành phố Hà Nội đã ký ban hành Quyết định số 1672/QĐ-UB về việc thành lập Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố trên cơ sở hợp nhất Trung tâm TGPL Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội và Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Hà Tây.

Từ quan điểm chủ trương của Đảng đến chính sách pháp luật của Nhà nước, đến nay, hoạt động TGPL đã xây dựng và phát triển qua hơn 20 năm với những kết quả đáng trân trọng. Trải qua những thay đổi từ chính sách đến quy định của pháp luật cho thấy, hoạt động TGPL tại Hà Nội cần nhiều bước tiến mới và chiều sâu hơn nữa trong hoạt động để xứng tầm với nhiệm vụ của chính sách TGPL trong giai đoạn mới và đặc biệt là mục tiêu mà Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 đề ra. Xuất phát từ tình hình thực tế, việc nghiên cứu đề tài ***“Hoạt động trợ giúp pháp lý từ thực tiễn thành phố Hà Nội”*** là yêu

cầu khách quan, cần thiết cả về phương diện lý luận và thực tiễn nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động TGPL tại Hà Nội nói riêng và hoạt động TGPL nói chung. Góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trước những bước tiến nhất định và quan trọng của hoạt động TGPL đã khẳng định quan điểm, chủ trương về chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước ta là hoàn toàn đúng đắn. Trước hết thể hiện được sự quan tâm sâu sắc của Nhà nước đối với người nghèo, đối tượng chính sách, người có khó khăn về kinh tế trong xã hội trên phương diện pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, sau nữa là tạo điều kiện cho những người có những hoàn cảnh khó khăn, thiệt thòi hơn trong xã hội vẫn có quyền bình đẳng để tiếp cận pháp luật, công bằng trước pháp luật.

Về lĩnh vực TGPL cho đến nay đã có những đề tài nghiên cứu Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đề tài cấp Bộ và những chuyên đề nghiên cứu, bài báo, tạp chí đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn như:

Luận án tiến sĩ Luật học: *“Điều chỉnh pháp luật về trợ giúp pháp lý ở Việt Nam trong điều kiện đổi mới”* của Tạ Thị Minh Lý. Luận án nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý của điều chỉnh pháp luật về TGPL; thực trạng điều chỉnh pháp luật về TGPL và phương hướng hoàn thiện việc điều chỉnh pháp luật về TGPL trong điều kiện đổi mới;

Luận văn Thạc sĩ Luật học: *“Hoàn thiện các hình thức tiếp cận pháp luật của người nghèo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”* của Đỗ Xuân Lân tập trung nghiên cứu một số vấn đề lý luận về các hình thức tiếp cận pháp luật; người nghèo ở Việt Nam và các hình thức tiếp cận pháp luật của người nghèo. Những giải pháp cơ bản hoàn thiện các hình thức tiếp cận pháp luật của người nghèo;

Luận văn Thạc sĩ Luật học: *“Hoàn thiện pháp luật về người thực hiện trợ giúp pháp lý ở Việt Nam”* của Vũ Hồng Tuyển tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn về người thực hiện TGPL. Các giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật về người thực hiện TGPL;

Luận văn Thạc sĩ Luật học: *“Bảo đảm quyền được trợ giúp pháp lý”* của Phan Thị Thu Hà đã nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về quyền được TGPL và các giải pháp nhằm đảm bảo quyền được TGPL của người dân;

Luận văn Thạc sĩ Luật học: *“Hoạt động trợ giúp pháp lý trong các chương trình giảm nghèo”* của Lê Thị Thúy, năm 2012 nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng thực hiện hoạt động TGPL trong các chương trình giảm nghèo và một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện hoạt động TGPL trong các chương trình giảm nghèo;

Luận văn Thạc sĩ Luật học: *“Hoạt động trợ giúp pháp lý của Luật sư ở Việt Nam hiện nay”* của Trần Thị Việt Hà, năm 2015 tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận, pháp lý, thực trạng pháp luật và hoạt động TGPL của Luật sư Việt Nam. Đưa ra một số yêu cầu và giải pháp nhằm nâng cao vai trò của Luật sư trong hoạt động TGPL ở Việt Nam;

Luận văn Thạc sĩ Luật học: *“Thực hiện pháp luật về TGPL từ thực tiễn thành phố Hà Nội”*, của Nguyễn Thị Kim Dung, năm 2016 tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận của thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý; Thực trạng thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý ở thành phố Hà Nội và quan điểm và giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý ở thành phố Hà Nội.

Luận văn Thạc sĩ Luật học *“Quản lý nhà nước đối với hoạt động TGPL ở Việt Nam hiện nay”*, của Hồ Bích Phương, năm 2017 tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động TGPL ở Việt Nam hiện nay. Đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò quản lý của nhà nước trong hoạt động TGPL;

Bài viết “*Chỉ tiêu tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý, đôi điều cần bàn*”, của Huỳnh Văn Chưa trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp ngày 07/10/2016 nêu những quy định của Bộ Tư pháp về việc chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý năm 2016. Từ đó, chỉ ra sự cần thiết phải giao chỉ tiêu và giải pháp để thực hiện trên thực tế;

Bài viết “*Vị trí vai trò TGPL trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*”, của Thanh Trịnh trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp ngày 18/9/2017 tập trung về vai trò của TGPL trong nhà nước pháp quyền, đảm bảo về quyền con người, quyền tranh tụng trong cải cách tư pháp, trong xóa đói, giảm nghèo và an sinh xã hội, thị trường dịch vụ pháp lý, hội nhập quốc tế;

Bài viết “*Một số điểm mới nổi bật của Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 và các công việc cần triển khai*” của Thanh Trịnh trên Cổng thông tin của Bộ Tư pháp ngày 16/10/2017 nêu lên những quan điểm mà Luật TGPL năm 2017 hướng đến và những điểm khác biệt so với Luật TGPL năm 2006”;

Bài viết “*Về đổi mới tổ chức và hoạt động TGPL*” của Thạc sĩ Phạm Quang Đại trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật ngày 05/11/2017 nêu lên một số hạn chế của Trợ giúp pháp lý hiện nay, đưa ra một số giải pháp đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của trợ giúp pháp lý;

Bài viết “*TGPL – những vấn đề đặt ra*” của Duy Kiên trên tạp Chí Dân chủ và pháp luật, ngày 24/2/2018 đã nêu lên một số kết quả của công tác TGPL và một số vấn đề đặt ra.

Điềm qua một số công trình nghiên cứu và bài viết ở trên, cho thấy các mặt, các khía cách khác nhau trong lĩnh vực pháp luật về TGPL đã được nghiên cứu. Với vị trí địa lý, nhiệm vụ đặc thù riêng, hoạt động TGPL tại Hà Nội vừa là một hoạt động mang những yếu tố chung của hoạt động trợ giúp pháp lý Việt Nam, vừa mang những đặc điểm riêng biệt vốn có thuộc về vị trí địa lý, kinh tế, xã hội trọng yếu của cả nước. Nhằm đảm bảo và nâng cao hơn nữa giá trị, hiệu quả của hoạt động TGPL tại Hà Nội tác giả luận văn sẽ đi sâu

phân tích, làm sáng tỏ các vấn đề có liên quan về mặt lý luận và thực tiễn, đưa ra các giải pháp góp phần định hướng hoàn thiện và đảm bảo hiệu quả của hoạt động TGPL tại thành phố Hà Nội. Đây là lý do tác giả đã lựa chọn đề tài **“Hoạt động trợ giúp pháp lý từ thực tiễn thành phố Hà Nội”**.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn sẽ tập trung vào những vấn đề lý luận, cơ sở pháp lý nói chung; thực tiễn về hoạt động TGPL tại Hà Nội. Trên cơ sở đó, đưa ra những đánh giá về hiệu quả cũng như những điểm còn hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế của hoạt động này để có những giải pháp, định hướng nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động TGPL tại thành phố Hà Nội.

Luận văn có nhiệm vụ nghiên cứu những nội dung sau:

Khái niệm, đặc điểm, tính chất và ý nghĩa của hoạt động trợ giúp pháp lý.

Phân tích và đánh giá thực trạng các hoạt động TGPL tại Hà Nội trong thời gian qua. Nêu lên những ưu điểm, thế mạnh cũng như những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân.

Tác giả sẽ đưa ra các giải pháp chung, giải pháp riêng nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động TGPL tại Hà Nội nói riêng và trên cả nước nói chung.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Đề tài tập trung nghiên cứu về hoạt động trợ giúp pháp lý từ thực tiễn thành phố Hà Nội.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Tác giả luận văn vận dụng lý luận chung về hoạt động TGPL trên các mặt: Tổ chức bộ máy, các kết quả hoạt động từ thực tiễn thành phố Hà Nội.

Về thời gian: Luận văn nghiên cứu được giới hạn về không gian là thành phố Hà Nội và thời gian là từ khi Luật TGPL năm 2006 có hiệu lực cho đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; những quan điểm của Đảng về hoạt động trợ giúp pháp lý nói riêng hay hoạt động tư pháp nói chung. Các văn kiện của Đảng, Hiến pháp, Luật TGPL và các văn bản hướng dẫn thi hành, các Quyết định của Chính phủ về hoạt động TGPL.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài sử dụng phương pháp luận của triết học Mác – Lê nin là phép duy vật biện chứng và lịch sử, bên cạnh đó có sử dụng các phương pháp hệ thống hóa, phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê và khai thác, sử dụng các tư liệu thực tế, các kết quả khảo sát ... qua các kênh như: Sách pháp luật, Báo, Tạp chí, công trình, đề tài nghiên cứu, bài viết chuyên sâu, các thống kê, báo cáo của tổ chức TGPL tại Hà Nội, Cục TGPL – Bộ Tư pháp.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Hoạt động TGPL tại thành phố Hà Nội có những đặc thù và góp phần quan trọng vào việc đảm bảo quyền tiếp cận pháp lý của Người có công với cách mạng, Người nghèo - đối tượng chính của hoạt động TGPL. Vì vậy, luận văn sẽ là công trình nghiên cứu mang tính hệ thống về lý luận và thực tiễn những chính sách pháp luật, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động TGPL tại Hà Nội. Từ đó, kết quả của Luận văn có thể sử dụng để tham khảo nhằm đưa ra những giải pháp thiết thực cho hoạt động TGPL tại Hà Nội cũng như một số tỉnh, thành phố có những nét tương đồng với Hà Nội.

Luận văn hướng đến các mặt hoạt động của TGPL tại Hà Nội, tác giả đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả những chính sách về TGPL trong thời gian tới trên địa bàn thành phố Hà Nội sau khi Luật TGPL năm 2017 có hiệu lực. Do đó, một số ý kiến của tác giả sẽ

có thể dùng để tham khảo, áp dụng đối với mô hình hoạt động TGPL tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương – có nét tương đồng về vị trí địa lý, nhiệm vụ kinh tế - xã hội như Hà Nội.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề chung về hoạt động trợ giúp pháp lý.

Chương 2. Thực trạng pháp luật về hoạt động TGPL tại thành phố Hà Nội.

Chương 3. Giải pháp hoàn thiện và đảm bảo hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý tại thành phố Hà Nội.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1.1. Khái niệm trợ giúp pháp lý

1.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển trợ giúp pháp lý tại Việt Nam

Sau thắng lợi của lịch sử dân tộc và tuyên ngôn lịch sử ra đời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 2.9.1945 thì hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước ra đời, đó chính là việc ban hành các Sắc lệnh, một trong số những Sắc lệnh có liên quan đến ngành Tư pháp đó là: Sắc lệnh số 46/SL ngày ngày 10/10/1945 về tổ chức đoàn thể luật sư; Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/01/1946 về tổ chức các Tòa án và các ngạch thẩm phán. Thời kỳ này, hoạt động TGPL cũng đã được hình thành dưới hình thức “tư pháp bảo trợ” và người thực hiện chủ yếu là các Luật sư, cán bộ, công chức nhà nước và các công dân có am hiểu pháp luật không phải là Luật sư thực hiện dưới hình thức là trợ giúp (thiện nguyện) hay bảo đảm kinh phí từ nhà nước.

Lịch sử pháp luật Việt Nam cũng đã đánh dấu những bước son khi Nhà nước ta đã ký kết và tham gia: Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; Công ước về các quyền Dân sự và chính trị vào năm 1982. Đây là những Công ước với nội dung phù hợp và thiết thực cho một Nhà nước dân chủ. Điều này cho thấy nhà nước Việt Nam đã quan tâm, chủ động, tích cực xây dựng những bước đi cơ bản, vững chắc cho nền pháp luật, mục tiêu hướng tới bảo vệ chủ quyền dân tộc và đề cao vai trò của nhân dân (chủ quyền nhân dân). Có thể nói các Công ước này là tiền đề cho sự ra đời của pháp lệnh tổ chức Luật sư số 2A-LCT/HDDNN8 ngày 18/12/1987 với việc đưa ra một số quy định về giảm phí hoặc miễn thù lao cho công dân và tổ chức trong một số trường hợp cụ thể khi được tư vấn pháp luật và một số dịch vụ pháp lý khác nhằm mục đích “*góp phần thực hiện quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật*” [24]. Đây chính là tiền thân của hoạt động TGPL tại Việt Nam.

Ngày 06/9/1997, trên cơ sở đánh giá kết quả thí điểm mô hình TGPL tại tỉnh Hà Tây và Cần Thơ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 734/TTg về việc thành lập tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách; thành lập Cục Trợ giúp pháp lý thuộc Bộ Tư pháp và các Trung tâm TGPL thuộc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cục TGPL và các Trung tâm hoạt động TGPL miễn phí, kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước đảm bảo.

Sau gần 10 năm hoạt động dưới mô hình TGPL cho đối tượng chính sách và người nghèo, đến ngày 29/6/2006, Quốc hội đã thông qua Luật Trợ giúp pháp lý đánh dấu một bước quan trọng trong quá trình thể chế hóa những quan điểm, đường lối đúng đắn của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế đồng thời với đảm bảo công bằng xã hội, xác định quyền của công dân được bình đẳng trong tiếp cận mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây là thành quả hoạt động tích cực của tổ chức thực hiện TGPL và những người thực hiện hoạt động TGPL.

Qua 10 năm triển khai và hoạt động theo nội dung Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 thành quả đạt được là rất đáng trân trọng. Đó là việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng yếu thế khác. Từ đó cho thấy, chế định TGPL cần được nâng lên một tầm cao mới cho phù hợp với những yêu cầu mới của đất nước, đặc biệt là việc thể chế hóa những nội dung của Hiến pháp năm 2013. Bên cạnh đó, nhiều đạo luật quan trọng đã được Quốc hội ban hành có liên quan đến chính sách TGPL của Nhà nước, do nhà nước đảm bảo. Mục tiêu đặt ra là, không những tăng cường cải cách Tư pháp, pháp luật mà các hoạt động TGPL cần chủ động trong việc tạo ra mọi nguồn lực để đổi mới và nâng cao hiệu quả. Tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV đã tiếp tục ghi nhận vị trí, vai trò công tác TGPL bằng việc thông qua Luật TGPL năm 2017 với tỷ lệ 100% đại biểu có mặt tán thành, đã khẳng định TGPL là một yếu tố quan trọng trong hệ thống Tư pháp, là trách

nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm quyền con người, quyền công dân cho đối tượng được TGPL. Là hệ quả mà mọi Nhà nước hướng tới trong việc đảm bảo quyền bình đẳng trong tiếp cận công lý, bảo vệ quyền công dân.

Theo quy định hiện hành, một số nội dung về hoạt động TGPL có sự thay đổi như: *Người được TGPL; Hợp đồng thực hiện TGPL; Chi nhánh của Trung tâm TGPL; Quyền và nghĩa vụ của người thực hiện TGPL; Tiêu chuẩn của trợ giúp viên pháp lý; Quy định về hỗ trợ thực hiện vụ việc TGPL phức tạp, điển hình; Quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo....* [33]. Về cơ bản, Luật TGPL năm 2017 được xây dựng xuất phát từ tinh thần lấy người được TGPL làm trung tâm, nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ TGPL theo hướng chuyên nghiệp hóa, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội nhằm cung cấp kịp thời dịch vụ pháp lý cho người yếu thế không có khả năng chi trả dịch vụ pháp lý và những người thuộc diện chính sách, do đó, sự thay đổi từ diện người được TGPL, hình thức TGPL và phương thức TGPL cũng nhằm đạt đến mục tiêu chung nói trên. Quy định này tạo thế chủ động cho mọi nguồn lực có thể tham gia vào hoạt động TGPL một cách thường xuyên, liên tục và đạt hiệu quả cao, phù hợp với mục đích của Luật TGPL hướng đến.

1.1.2. Khái niệm Trợ giúp pháp lý

Thuật ngữ “Trợ giúp pháp lý” là một cụm từ được sử dụng phổ biến trong các tài liệu ở nước ta từ năm 1995. Đó là khi bắt đầu nghiên cứu xây dựng Đề án về hoạt động TGPL tại Việt Nam. Dù có nhiều cách hiểu, cách giải thích khác nhau song theo Từ điển tiếng Việt thì “Trợ giúp pháp lý” là một cụm từ ghép hai cụm từ “trợ giúp” và “pháp lý”. Trong Đại từ điển tiếng Việt, Nguyễn Như Ý, Nhà xuất bản Văn hoá – Thông tin, 1999 giải thích thì “trợ giúp” được hiểu là “*sự giúp đỡ, bảo trợ, hỗ trợ, giúp cho ai việc gì, đem cho ai cái gì đang lúc khó khăn, đang cần đến*”. Và trong từ điển Từ và Ngữ Việt Nam của Giáo sư Nguyễn Lân, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh,

2000 giải thích “trợ giúp” là “*góp sức hoặc góp tiền cho một người hoặc vào một việc chung, giúp làm họ mà không lấy tiền công*”. Và từ điển tiếng Việt của nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1994 thì “Trợ giúp” có nghĩa là “giúp đỡ”, thuật ngữ “pháp lý” được hiểu là “*lý lẽ, lẽ phải theo pháp luật*”. Dù ở nghĩa nào thì “trợ giúp” là cụm từ cần được hiểu theo nghĩa tích cực là để làm giảm bớt khó khăn; là hỗ trợ làm cho ai một việc gì đó hoặc cho ai cái gì đó mà người ấy đang cần. Cái cần trong hoạt động trợ giúp này là dịch vụ pháp lý. Hiểu về nội hàm của thuật ngữ này, một số tài liệu khác còn gọi là “hỗ trợ pháp luật”, “hỗ trợ pháp lý” hay “hỗ trợ tư pháp”. Tóm lại, trợ giúp pháp lý có thể hiểu đó là sự hỗ trợ, giúp đỡ ai đó, người nào đó đang cần về lĩnh vực pháp luật. Về phương diện chính sách của Nhà nước thì còn được hiểu là một chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam.

Về ý nghĩa của chính sách TGPL có thể hiểu là: TGPL xuất phát từ lý luận về nhân quyền và bảo đảm nhân quyền. TGPL như là một biện pháp bảo đảm tư pháp dành cho người không có điều kiện (về kinh tế và sức khỏe, kiến thức...) để tiếp cận và sử dụng các quy định pháp luật, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Khái niệm này có thể được hiểu là hỗ trợ pháp lý cho người có điều kiện – tùy theo mỗi thời điểm- về mặt pháp lý để mỗi người đều có quyền bình đẳng trước pháp luật, nhất là trong điều kiện tiếp cận công lý. Dù khái niệm có thể hiện về mặt câu chữ như thế nào thì thuật ngữ “TGPL” vẫn mang những đặc điểm đó là kinh tế, pháp lý; xã hội và nhân đạo.

Tính kinh tế, pháp lý trong TGPL thể hiện ở chỗ TGPL là dành cho những đối tượng không có khả năng tài chính hoặc có khó khăn tài chính, khó có thể chi trả cho các chi phí khi tiếp cận với các dịch vụ pháp lý. Nhà nước đảm bảo hoạt động này mang tính quy định trong hệ thống pháp luật, là “*trách nhiệm của nhà nước*”. [33]

Tính xã hội và nhân đạo đó là tạo cơ hội cho những người nghèo nâng cao hiểu biết pháp luật, bình đẳng với người khác trong việc sử dụng, tiếp cận

pháp luật; tham gia vào việc nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân nhằm xoá đói, giảm nghèo. Đồng thời cũng huy động được sự tham gia rộng rãi của các lực lượng xã hội có hiểu biết về pháp luật, có trình độ pháp luật cơ bản hoặc chuyên sâu vào hoạt động TGPL để bảo đảm cho những hoạt động TGPL đạt được hiệu quả trên thực tế.

Do thuật ngữ “trợ giúp pháp lý” mới xuất hiện ở nước ta vào những năm cuối thế kỷ XX, nên trong quá trình xây dựng Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 và Luật TGPL năm 2017 những nhà nghiên cứu về hoạt động TGPL đã tham khảo các khái niệm TGPL của một số nước trên thế giới nói chung và các quan niệm về TGPL ở Việt Nam nói riêng để đưa ra một số khái niệm TGPL. Khái niệm TGPL có thể được hiểu theo nghĩa rộng hoặc nghĩa hẹp.

Theo nghĩa rộng, “*Trợ giúp pháp lý được hiểu là việc thực hiện các dịch vụ pháp lý miễn phí của Nhà nước và xã hội cho người nghèo, người được hưởng chính sách ưu đãi và một số đối tượng khác do pháp luật quy định thông qua hình thức như tư vấn pháp luật, đại diện, bào chữa, kiến nghị giải quyết vụ việc và tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm bảo đảm cho mọi công dân bình đẳng trong tiếp cận pháp luật, góp phần thực hiện công bằng xã hội*”.

Theo nghĩa hẹp, “*Trợ giúp pháp lý được hiểu là việc thực hiện các dịch vụ pháp lý miễn phí của các tổ chức trợ giúp pháp lý của Nhà nước cho người nghèo và người được hưởng chính sách ưu đãi thông qua hình thức tư vấn pháp luật, đại diện, bào chữa, kiến nghị giải quyết các vụ việc và tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm bảo đảm cho mọi công dân bình đẳng trong tiếp cận pháp luật, góp phần thực hiện công bằng xã hội*”.

Các khái niệm này về cơ bản đã đưa ra những nét chủ yếu của hoạt động TGPL, nhưng vẫn chưa khái quát được sự toàn diện trong hoạt động TGPL, nhất là trong lĩnh vực tiếp cận bình đẳng giữa các đối tượng được hưởng dịch vụ TGPL. Các quan điểm này đều lấy đối tượng là người nghèo và đối tượng

chính sách làm cơ sở để xây dựng khái niệm TGPL, chưa đi sâu vào bản chất, mà chỉ nhìn nhận thông qua hình thức biểu hiện của đối tượng mà hoạt động TGPL hướng tới.

Có quan niệm cho rằng: TGPL là việc Nhà nước, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và các cá nhân thực hiện việc cung ứng các dịch vụ pháp lý miễn phí hoặc có thu phí nhưng thấp hơn giá trị của dịch vụ như: Tư vấn pháp luật, đại diện, bào chữa, bảo vệ trong tố tụng, ngoài tố tụng và các loại hình giúp đỡ pháp luật khác cho những đối tượng nhất định. Theo đó, ngoài việc khẳng định chủ thể thực hiện TGPL, quan niệm này còn đề cập khía cạnh **thu phí nhưng thấp hơn giá trị dịch vụ**, cách nhìn nhận này không thể hiện hết bản chất nhân đạo pháp lý về chức năng xã hội nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhà nước chưa thể hiện được vai trò chủ đạo trong điều tiết các hoạt động xã hội.

Dù ở khía cạnh nào, quan niệm nào thì hoạt động TGPL chính là hướng đến đảm bảo công bằng xã hội, bình đẳng giữa mọi công dân, phù hợp với khả năng thực tế của ngân sách Nhà nước tại mỗi thời điểm trong việc đảm bảo cho hoạt động này được diễn ra thường xuyên, liên tục, đáp ứng được mọi nhu cầu điều tiết chức năng xã hội của Nhà nước vào từng thời kỳ cụ thể của quá trình phát triển đất nước.

Về mặt Nhà nước, khái niệm TGPL tại Việt Nam lần đầu tiên được quy định tại Điều 3, Luật TGPL năm 2006, như sau: *“Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được TGPL theo quy định của Luật này, giúp người được TGPL bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, đảm bảo công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật”*. Tiếp đó là tại Điều 2, Luật TGPL năm 2017, nêu: *“Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc trợ*

giúp pháp lý theo quy định của Luật này, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật”, thêm vào đó khoản 1 Điều 4 Luật này quy định “*Trợ giúp pháp lý là trách nhiệm của Nhà nước*”. Như vậy, so với khái niệm về “trợ giúp pháp lý” của Luật Trợ giúp pháp lý 2006, thì Luật Trợ giúp pháp lý 2017 đã quy định theo hướng phản ánh đúng nội hàm bản chất của trợ giúp pháp lý là một dịch vụ pháp lý miễn phí, giúp đỡ về mặt pháp lý cho người nghèo và các đối tượng chính sách, mang bản chất Nhà nước và phản ánh tính nhân đạo xã hội sâu sắc; Đã có sự phân biệt trong từng cụm từ của khái niệm, tránh gây nhầm lẫn giữa hoạt động trợ giúp pháp lý và hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật và hạn chế được tình trạng khi triển khai một số hoạt động TGPL tại các cơ sở hướng nhiều đến mục tiêu phổ biến, giáo dục pháp luật vì đây không phải là chức năng chính của hoạt động TGPL.

Như vậy, qua một số khái niệm nêu ở trên cho thấy, về bản chất của TGPL thể hiện qua những nét sau đây:

Thứ nhất, TGPL hướng tới giúp đỡ về mặt pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý (người nghèo, đối tượng chính sách):

Bản chất này trước hết thể hiện ở chỗ TGPL ra đời với mục đích giúp đỡ về mặt pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách. Những đối tượng này là những đối tượng bị thiệt thòi về kinh tế, tinh thần và thể chất trong xã hội, cần Nhà nước và xã hội quan tâm giúp đỡ, nhất là giúp đỡ trong việc tiếp cận và sử dụng pháp luật. Vì pháp luật là một công cụ hữu hiệu để công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Thực tế, những người được TGPL theo quy định thường là những người bị hạn chế thực hiện các quyền và nghĩa vụ vì họ không có điều kiện tiếp cận với các tiện ích xã hội cũng như kiến thức pháp luật. Do đó, cơ hội để họ biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình bị hạn chế.

Về bản chất, TGPL ở đa số các nước trên thế giới chỉ hướng đến người nghèo (có khó khăn về tài chính) nhưng người được hưởng TGPL miễn phí ở nước ta còn có đối tượng đặc thù là Người có công với cách mạng. Vì dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc đấu tranh oanh liệt để bảo vệ tổ quốc và giành độc lập cho dân tộc. Đã có nhiều người hy sinh tính mạng, cống hiến về tài sản, sức khỏe, tuổi thanh xuân của mình, người thân của mình cho sự nghiệp cách mạng dân tộc, nên nhân dân ta coi họ là những người có công với nước, và phải có trách nhiệm giúp đỡ họ mọi mặt, trong đó có việc tiếp cận pháp luật được thể hiện đầy đủ trong chính sách TGPL từ khi hình thành cho đến nay. Đây chính là truyền thống “uống nước nhớ nguồn” - một đạo lý truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.

Thứ hai, TGPL mang bản chất nhân đạo sâu sắc

Các hoạt động của TGPL đều hướng đến sự giúp đỡ miễn phí về pháp luật và nâng cao nhận thức về pháp luật cho họ. Khi họ vướng mắc về pháp luật thì thông qua các hình thức TGPL chủ yếu như: Tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng và đại diện ngoài tố tụng, giúp người được TGPL hiểu được những kiến thức pháp luật cơ bản có liên quan đến vụ việc và ảnh hưởng đến đời sống của họ. Từ đó, hướng dẫn người được TGPL có cách ứng xử phù hợp, bảo vệ được quyền và lợi ích của bản thân, đồng thời cũng hiểu được nghĩa vụ của công dân khi tham gia các quan hệ pháp luật do Nhà nước điều chỉnh.

Khi hiểu được những quy định cụ thể, người được TGPL sẽ đưa ra cách ứng xử phù hợp để hạn chế thấp nhất những rủi ro khi có những tranh chấp hoặc vướng mắc pháp luật. Từ đó, nâng cao nhận thức cho chính người được TGPL và cộng đồng trong thực hiện các quan hệ pháp luật.

Thứ ba, TGPL cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí.

Theo đó, đối tượng được hưởng dịch vụ TGPL sẽ không phải trả bất kỳ một khoản lệ phí, thù lao nào, kể cả những lệ phí liên quan đến giấy tờ, đi lại khi họ yêu cầu được TGPL. Điều này xuất phát từ bản chất của người được

TGPL đó là “những người có khó khăn về tài chính”. Khi họ không đủ điều kiện tài chính để học tập, ăn uống, chăm sóc sức khỏe... thì những chi phí cho dịch vụ pháp lý lại càng trở nên xa vời. Do vậy, không thu phí, lệ phí, thù lao từ người được TGPL chính là một trong những bản chất chính của hoạt động này.

Hơn nữa, dịch vụ TGPL do người có trình độ am hiểu pháp luật thực hiện trên cơ sở quy định của pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu giúp đỡ pháp lý của người được TGPL thông qua hình thức tư vấn, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng, cung cấp thông tin pháp luật hay tham gia vào quá trình hòa giải ... Đây là loại hình dịch vụ pháp lý vì hình thức và phương thức thực hiện cũng giống như dịch vụ pháp lý nói chung. Có khác thì đó là TGPL có đối tượng, phạm vi, lĩnh vực, tổ chức, người thực hiện TGPL có hẹp hơn so với dịch vụ pháp lý nói chung; khi thực hiện phải tuân theo một trình tự, thủ tục (quy định bắt buộc) so với trình tự, thủ tục thực hiện dịch vụ pháp lý thông thường; Và người thụ hưởng dịch vụ TGPL không phải trả bất kỳ một khoản chi phí, lệ phí nào khi sử dụng dịch vụ.

Thứ tư, TGPL là một loại hình dịch vụ công trong lĩnh vực Tư pháp.

Bản chất của loại hình này chứa đầy đủ những đặc trưng của một dịch vụ công, thể hiện: là dịch vụ được xác định là chức năng xã hội của Nhà nước; đối tượng được thụ hưởng dịch vụ là người dân yếu thế, không đủ điều kiện tiếp cận với các loại dịch vụ có thu, cần sự trợ giúp từ Nhà nước; các chi phí cho hoạt động TGPL chủ yếu do ngân sách Nhà nước đảm bảo. Quy trình, thủ tục của dịch vụ được quy định cụ thể trong Luật TGPL và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.2. Đặc điểm, ý nghĩa của trợ giúp pháp lý

1.2.1. Đặc điểm của trợ giúp pháp lý

Hoạt động TGPL là hoạt động của tổ chức, cá nhân nhằm cung cấp dịch vụ pháp lý cho các đối tượng được TGPL theo quy định của pháp luật và các hình thức thiện nguyện của tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp dịch vụ

pháp lý cho người dân. Chính vì vậy, TGPL có một số đặc điểm đặc trưng như sau:

Về chủ thể thực hiện trợ giúp pháp lý là các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật của các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội nghề nghiệp. Như vậy, xét về chủ thể thực hiện thì vừa mang tính chất nhà nước, vừa mang tính chất xã hội. Theo quy định tại Luật TGPL năm 2017, tại Khoản 1, Điều 4 có nêu “*Trợ giúp pháp lý là trách nhiệm của Nhà nước*”. Chính vì vậy, quy định về chủ thể thực hiện theo quy định tại Luật này khẳng định được trách nhiệm của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách TGPL trên thực tế.

Về người thực hiện trợ giúp pháp lý, theo quy định tại Điều 17 Luật TGPL năm 2017, đó là: Trợ giúp viên pháp lý; Luật sư thực hiện TGPL theo hợp đồng với Trung tâm hoặc luật sư thực hiện TGPL theo sự phân công của tổ chức tham gia TGPL; Tư vấn viên pháp luật có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên làm việc tại tổ chức tham gia TGPL; Cộng tác viên trợ giúp pháp lý. Những quy định của Nhà nước về người TGPL yêu cầu sự chặt chẽ về trình độ, về kinh nghiệm, về kiến thức pháp luật và đặc biệt là sự quản lý của tổ chức thực hiện TGPL. Có sự thay đổi yêu cầu trong các tiêu chuẩn về người thực hiện TGPL qua thời gian để đáp ứng yêu cầu về chất lượng TGPL cho người được TGPL. Đây là một quá trình tất yếu.

Về đối tượng được TGPL: có sự thay đổi khác nhau qua các thời kỳ và thời điểm hiệu lực của pháp luật về TGPL, song bản chất hoạt động TGPL hướng tới đối tượng là người nghèo, người có công với cách mạng, trẻ em, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ, nạn nhân của bạo lực gia đình và người nhiễm HIV. Đây là những người có thiệt thòi hơn trong xã hội về thể chất, tinh thần và kinh tế. Quy định những đối tượng thụ hưởng chính sách TGPL đã phản ánh đúng thực trạng về những người có khó khăn hơn trong xã hội. Đánh giá được tính khách quan của những đối tượng

mà Nhà nước cần hướng tới trong việc đảm bảo quyền bình đẳng và tiếp cận công lý của công dân.

Về lĩnh vực TGPL: Hoạt động TGPL được thực hiện đối với tất cả các vụ việc có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL trong hầu hết các lĩnh vực pháp luật, trừ các vụ việc có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, thương mại. Quy định này cũng phản ánh bản chất của hoạt động TGPL là giúp đỡ những người có khó khăn về tài chính hoặc là người yếu thế trong quan hệ dân sự.

Về hình thức thực hiện TGPL bao gồm: Tham gia tố tụng, Tư vấn pháp luật và đại diện ngoài tố tụng. Đây là những hình thức TGPL thực hiện thường xuyên, chủ yếu từ khi Nhà nước ban hành chính sách TGPL cho đến nay. Mục tiêu của hoạt động TGPL cũng xoay quanh các quy định liên quan đến các chế định pháp luật, đặc biệt là quan điểm về tranh tụng trong hoạt động xét xử của Tòa án. Do đó, hình thức tham gia tố tụng đang được quan tâm và đẩy mạnh hơn nữa cả về chất lượng và số lượng vụ việc.

Về lệ phí: Người được TGPL không phải trả bất kỳ một khoản lệ phí hay thù lao nào dưới bất kỳ hình thức nào. Kinh phí hoạt động TGPL do ngân sách Nhà nước cấp; nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Về mục đích: Hoạt động TGPL nhằm giúp người được TGPL bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần bảo vệ công lý, đảm bảo công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật xảy ra. Góp phần đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật và đảm bảo công bằng xã hội trong tiếp cận pháp luật.

1.2.2. Ý nghĩa của Trợ giúp pháp lý

Xét về bản chất của hoạt động TGPL chính là nhằm mục tiêu đảm bảo quyền con người, lấy người được TGPL làm trung tâm của mọi hoạt động. Từ đó, chúng ta xem xét ý nghĩa của TGPL từ những khía cạnh sau đây:

Đối với người thụ hưởng chính sách (người được TGPL):

Hoạt động TGPL thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, chính sách “đền ơn đáp nghĩa” của Nhà nước ta. Qua các thời kỳ khác nhau, người được TGPL có thay đổi về diện đối tượng, nhưng về bản chất thì vẫn là người nghèo và người có công với nước. Đây là một quan điểm xuyên suốt trong quá trình thực hiện chính sách TGPL từ năm 1995 đến nay. Khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 734/TTg về việc thành lập tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách cho đến Luật TGPL năm 2006 và Luật TGPL năm 2017 thì hơn 20 năm qua, chính sách này đã được nhân dân đồng tình ủng hộ và đặt niềm tin theo thời gian. Hoạt động TGPL đã nâng cao hiểu biết cho nhân dân, giúp họ nhận thức được đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, tạo niềm tin cho người dân để từ đó có thể lựa chọn cho mình cách ứng xử phù hợp nhất với các quy định của pháp luật, không tốn kém về thời gian, tiền bạc, đảm bảo tình trạng ổn định an ninh trật tự và an toàn xã hội khi ổn định tình đoàn kết xóm giềng, anh em, họ tộc. Có niềm tin về những chính sách ưu việt của Nhà nước trong từng thời kỳ.

Qua quá trình được TGPL, với những kiến thức được cung cấp người được TGPL tự tin hơn với các ứng xử của mình, từ đó tự giác chấp hành pháp luật, tuân thủ pháp luật, đưa ra những quyết định đúng đắn góp phần bảo đảm việc thực hiện dân chủ ở cơ sở và phát huy tốt vai trò quản lý xã hội của Nhà nước thông qua pháp luật.

Đối với Nhà nước:

Hoạt động TGPL góp phần bảo vệ quyền và lợi ích của công dân. Nghĩa là giúp Nhà nước giải quyết những vướng mắc pháp luật phát sinh

hàng ngày trong xã hội, hướng dẫn cách ứng xử phù hợp cho người được TGPL. Hoạt động TGPL còn góp phần quan trọng cho sự nghiệp cải cách hành chính, cải cách tư pháp, hỗ trợ cho các cơ quan Nhà nước, các cơ quan tiến hành tố tụng và những người có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết các vướng mắc cho người dân một cách kịp thời, đúng pháp luật, tránh sai sót, bất cập trong hoạt động công vụ và quản lý Nhà nước; kịp thời phát hiện và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền trong việc sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp với tình hình thực tế, từ đó hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật và thể chế pháp luật Xã hội chủ nghĩa. Cũng là một kênh phòng chống tham nhũng trong điều kiện hiện nay.

Đối với xã hội:

Hoạt động TGPL góp phần hướng dẫn, giải quyết dứt điểm tình trạng khiếu kiện vượt cấp, kéo dài do nhiều nguyên nhân khác nhau. Tình trạng này dẫn đến sự giảm lòng tin của nhân dân với các chính sách pháp luật của Nhà nước. Khi có sự tham gia của tổ chức, người thực hiện TGPL thì người dân có thêm lực lượng trợ giúp đắc lực, giúp họ tự tin hơn để đối mặt với những lực lượng đối trọng trong vụ việc của họ. Thông qua các hình thức của hoạt động TGPL, cung cấp cho họ những kiến thức pháp luật phù hợp, nhằm giải quyết vụ việc một cách đúng đắn, hiệu quả, bảo đảm về quyền và lợi ích hợp pháp, giúp họ hiểu được quyền và nghĩa vụ của người được TGPL. Qua đó góp phần quan trọng vào giữ vững trật tự an ninh, an toàn xã hội, ổn định chính trị và đoàn kết cộng đồng, dòng tộc, anh em, tăng tính đoàn kết trong cộng đồng xã hội và đảm bảo các quy định của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

1.3. Người được trợ giúp pháp lý

Dựa trên những nguyên tắc và mục tiêu của chính sách TGPL trong từng thời kỳ mà Luật TGPL có những quy định khác nhau về diện người được TGPL. Theo quy định tại Điều 7, Luật TGPL năm 2017 có quy định cụ thể về 06 diện người đó là: Người có công với cách mạng; Người thuộc hộ nghèo;

Trẻ em; Người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Người bị buộc tội từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi; Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo và 08 diện người được TGPL có điều kiện khó khăn về tài chính đó là: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng liệt sĩ khi còn nhỏ; Người nhiễm chất độc màu da cam; Người cao tuổi; Người khuyết tật; Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự; Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình; Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật phòng chống mua bán người; Người nhiễm HIV. Theo tác giả luận văn cho rằng, việc xây dựng chi tiết và mở rộng đối tượng theo quy định của Luật TGPL năm 2017 là đã đi vào đúng bản chất của hoạt động TGPL là giúp đỡ người có khó khăn về kinh tế, thể chất, tinh thần.. Về tính kế thừa và mở rộng diện đối tượng được thể hiện như sau:

Nhóm được kế thừa (02 diện) đó là Người có công với cách mạng và Người thuộc hộ nghèo;

Nhóm được kế thừa và mở rộng hơn (02 diện) gồm Trẻ em (được mở rộng từ trẻ em không nơi nương tựa) và Người dân tộc thiểu số cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (được mở rộng từ người dân tộc thiểu số thường trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn);

Nhóm được bổ sung (02 diện) mới gồm: Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi (đây là nhóm người mà cơ quan tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự) và Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo.

Hiện nay, điều kiện có khó khăn về tài chính của người được TGPL được quy định tại Điều 2 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 15/12/2017 đó là “*người thuộc hộ cận nghèo hoặc là người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật*”.

Từ quy định về người được TGPL theo Luật TGPL năm 2017 cho thấy, các hoạt động TGPL đã tập trung theo chiều sâu, đến từng đối tượng thụ hưởng chính sách của Nhà nước. Quy định về diện đối tượng được TGPL đã thể hiện rất rõ chính sách nhân văn, sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với các đối tượng chính sách và người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội. Điều này đặt ra cho những người thực hiện TGPL phải đổi mới trong cách tư duy để tiếp nhận và thụ lý hồ sơ TGPL. Đảm bảo không bỏ sót yêu cầu TGPL và nâng cao chất lượng vụ việc TGPL cho người được TGPL.

Quy định hiện hành đã đi vào đúng bản chất của hoạt động TGPL là đền ơn đáp nghĩa, xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc và bảo vệ trẻ em và nhóm những người có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế trong xã hội. Vì lẽ đó mà từng quy định về diện người được TGPL rất cụ thể, tránh nhầm lẫn hay bỏ sót những đối tượng được hưởng dịch vụ TGPL. Đưa hoạt động TGPL là một kênh điều tiết chức năng xã hội của Nhà nước, đạt được những nguyên tắc và mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đề ra.

1.4. Tổ chức và hoạt động Trợ giúp pháp lý

1.4.1. Tổ chức, bộ máy hoạt động Trợ giúp pháp lý

1.4.1.1. Tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý

Điều 10 Luật TGPL năm 2017 quy định: “1. *Tổ chức thực hiện TGPL bao gồm Trung tâm TGPL nhà nước (sau đây gọi là Trung tâm) và tổ chức tham gia TGPL. 2. Sở Tư pháp công bố danh sách các tổ chức thực hiện TGPL tại địa phương, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp*”. Quy định này có sự khác biệt so với quy định tại điều 13 Luật TGPL năm 2006 về Tổ chức thực hiện TGPL. Sự khác biệt này ở chỗ, Sở Tư pháp sẽ công bố danh sách các tổ chức thực hiện TGPL tại địa phương theo những quy định về tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Khoản 2, Điều 14 Luật TGPL năm 2017, đó là :”a) Có lĩnh vực đăng ký hoạt động phù hợp với lĩnh

vực trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này; b) Là tổ chức hành nghề luật sư; tổ chức tư vấn pháp luật có ít nhất 01 tư vấn viên pháp luật có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên hoặc 01 luật sư làm việc thường xuyên tại tổ chức; c) Có cơ sở vật chất phù hợp với hoạt động TGPL; d) Không đang trong thời gian thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật”. Điều này, sẽ tạo ra sự chặt chẽ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt hơn trong hoạt động TGPL. Bên cạnh đó, có sự điều phối rõ nét về nguồn lực: nguồn lực về con người, về tài chính trong việc khuyến khích các tổ chức thực hiện TGPL (ngoài Trung tâm TGPL nhà nước) thực hiện tích cực các hoạt động TGPL, đó là “1. Tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật tự nguyện thực hiện trợ giúp pháp lý bằng nguồn lực của mình được đăng ký tham gia thực hiện TGPL” khi có đủ một số điều kiện theo quy định” (Điều 15 Luật TGPL năm 2017) thì hoạt động TGPL của các tổ chức thực hiện TGPL phải được Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động về phạm vi, hình thức, lĩnh vực, đối tượng TGPL. Khi đảm bảo các điều kiện này thì việc quản lý nhà nước về hoạt động TGPL sẽ được hoàn thiện hơn, tránh việc quy định nhưng không quản lý.

Lực lượng chính, làm nòng cốt trong hoạt động TGPL hiện nay vẫn là Trung tâm TGPL nhà nước. Điều 11, Luật TGPL năm 2017 có nêu “1. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở và tài khoản riêng. 2. Trung tâm có thể có Chi nhánh”. Trung tâm có Giám đốc, Phó Giám đốc, Trợ giúp viên pháp lý, viên chức và người lao động khác (như: chuyên viên pháp lý, kế toán, văn thư, thủ quỹ, lái xe, tạp vụ, bảo vệ). Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm phải là Trợ giúp viên pháp lý. [15]

Quy định về mô hình tổ chức của Trung tâm – là tổ chức nòng cốt trong hoạt động TGPL tại địa phương- có khác biệt hơn so với Luật TGPL năm

2006. Sự khác biệt nằm trong việc thiết kế điều luật, về quy định của từng điều luật, yêu cầu về trình độ chuyên môn (với Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm phải là Trợ giúp viên pháp lý). Đây là yêu cầu đặt ra để đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng TGPL hơn nữa trong thời gian tới.

Bản chất dịch vụ TGPL là không thu phí, là một dịch vụ công. Do đó, nếu chất lượng kém, trình độ chuyên môn của người thực hiện TGPL đặc biệt là người điều hành trong tổ chức thực hiện TGPL nông cốt không sâu, không vững vàng, am hiểu các quy định của các lĩnh vực pháp luật thì việc điều hành, lãnh đạo, chỉ đạo và đặc biệt là chất lượng TGPL sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều. Điều đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và kết quả TGPL cũng như lấy niềm tin của người dân về dịch vụ TGPL miễn phí.

Trung tâm có thể có Chi nhánh, mà “*Chi nhánh TGPL là đơn vị phụ thuộc Trung tâm, được thành lập tại các huyện ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn giao thông không thuận tiện đến Trung tâm và chưa có tổ chức hành nghề luật sư hoặc tổ chức tư vấn pháp luật tham gia TGPL. Trung tâm chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Chi nhánh*” (Khoản 2, Điều 11 Luật TGPL năm 2017). Quy định này có sự khác biệt lớn so với Luật TGPL năm 2006, vì khoản 1 Điều 16 Luật TGPL năm 2006 có nêu “*Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập Chi nhánh của Trung tâm theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp*” ở đây, điều kiện để thành lập Chi nhánh đó là nhu cầu thực tế và theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp, không cần tiêu chí nào cụ thể như Luật TGPL năm 2017 đề cập.

Qua báo cáo hoạt động 8 năm thực hiện Luật TGPL năm 2006 có nêu “*Việc thành lập một số Chi nhánh theo chỉ tiêu của Chiến lược và Đề án Quy hoạch mạng lưới Trung tâm TGPL nhà nước và Chi nhánh của Trung tâm giai đoạn 2008-2010, định hướng đến năm 2015 chưa căn cứ vào nhu cầu TGPL của người dân và điều kiện cơ sở vật chất chưa được bảo đảm, chưa*

có Trợ giúp viên pháp lý, do đó hiệu quả hoạt động còn thấp” [3]. Và theo đánh giá khách quan thì hiệu quả làm việc của Chi nhánh TGPL còn nhiều hạn chế, thực tế chưa đáp ứng được nhu cầu của hoạt động TGPL tại Chi nhánh, gây lãng phí trong công tác quản lý hành chính, nguồn nhân lực, tài chính và một số bất cập trong tiếp cận các tổ chức TGPL của người dân.

Ngoài các Chi nhánh thì Trung tâm còn có Phòng Hành chính – tổng hợp, các Phòng nghiệp vụ (phòng Pháp luật Hình sự - Hành chính; Phòng Pháp luật Dân sự - Đất đai; Phòng Pháp luật Lao động – xã hội) được tổ chức thực hiện theo Thông tư liên tịch số 08/2008/TT-BTP-BNV ngày 07/11/2008 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức, biên chế của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước. Trong quá trình xây dựng Luật TGPL năm 2017 có rất nhiều ý kiến đề nghị quy định cụ thể về tiêu chí thành lập phòng trực thuộc Trung tâm vì thực tế hiện nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định về tiêu chí thành lập các phòng của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII được thông qua tại Hội nghị lần thứ VI cũng đề cập đến vấn đề đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập. Việc xây dựng đề án vị trí, việc làm của Trung tâm cần căn cứ vào các văn bản hướng dẫn về xây dựng Đề án và các văn bản TGPL. Ở thời điểm hiện tại, việc quy định tiêu chí các Phòng thuộc Trung tâm sẽ thiếu tính ổn định của văn bản quy phạm pháp luật.

Làm nòng cốt trong hoạt động TGPL tại địa phương, hoạt động chính của Trung tâm bao gồm những nội dung sau:

Một là, truyền thông về TGPL trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác nhằm đưa các quy định về hoạt động TGPL đến gần hơn với người dân, đặc biệt là những người nghèo, người có khó khăn về tài chính. Vì các phương tiện thông tin đại chúng có tính lan truyền nhanh trong

cộng đồng. Bản thân người được TGPL không nắm bắt được quy định thì họ cũng sẽ không biết về quyền được TGPL của mình;

Hai là, khảo sát nhu cầu TGPL của người dân. Trên cơ sở kết quả của các đợt khảo sát nhu cầu TGPL để xây dựng Kế hoạch hoạt động phù hợp với nhu cầu TGPL trong từng thời điểm, từng nhóm người cụ thể, tại mỗi địa bàn dân cư khác nhau. Với mỗi phương án khảo sát, kế hoạch và cách thức tiến hành khảo sát nhằm đạt được mục tiêu làm sáng tỏ những nhu cầu được TGPL trong thời gian tiếp theo;

Ba là, cử Trợ giúp viên pháp lý, chuyên viên pháp lý trực tiếp dân tại trụ sở Trung tâm và các Chi nhánh (nếu có) để thụ lý vụ việc; thực hiện việc tiếp nhận yêu cầu và thụ lý vụ việc để tư vấn cho người được TGPL;

Bốn là, ra quyết định cử người tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng và thực hiện những hoạt động TGPL khác (theo Luật TGPL năm 2006 thì còn có hình thức Hòa giải, kiến nghị, cung cấp văn bản pháp luật có liên quan).

Năm là, tổ chức và thực hiện các đợt tư vấn ngoài trụ sở (đây là hình thức TGPL lưu động theo Luật TGPL năm 2006) cho các nhóm đối tượng ở xa Trung tâm và các đối tượng khó khăn trong việc di chuyển để tiếp cận với tổ chức TGPL. Ở đây chủ yếu là nhóm Người có công với cách mạng, Người khuyết tật trong các tổ chức của người khuyết tật, Trẻ em tại các trường học;

Sáu là, hướng dẫn thành lập và hoạt động cho Câu lạc bộ TGPL (theo Luật TGPL năm 2006);

Bảy là, cung cấp Tờ gấp pháp luật, Bảng thông tin, Tờ thông tin về TGPL và nói chuyện chuyên đề pháp luật tại cộng đồng về những vấn đề có tính thời sự, là điểm nóng trong từng thời điểm cụ thể ở một số địa bàn dân cư;

Tám là, tổ chức tập huấn về kỹ năng TGPL và cập nhật văn bản mới cho Trợ giúp viên pháp lý, chuyên viên pháp lý và cộng tác viên của Trung tâm;

Chín là, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến thi hành pháp luật;

Mười là, ký hợp đồng thực hiện TGPL với luật sư, cộng tác viên TGPL về việc thực hiện TGPL theo quy định của pháp luật về dân sự;

Mười một là, thực hiện các chức năng về quản lý, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, tài chính, cơ sở vật chất theo quy định thuộc thẩm quyền quản lý của Trung tâm (nếu có).

Về căn cứ pháp lý để tổ chức thực hiện TGPL hoạt động đó chính là những quy định về quyền và nghĩa vụ, bao gồm: *“Thực hiện TGPL; Đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc TGPL; Bồi thường thiệt hại do lỗi của người thuộc tổ chức mình gây ra trong khi thực hiện TGPL; Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, truyền thông về TGPL; Giải quyết khiếu nại; Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến giải quyết vụ việc TGPL”* (Khoản 1, Điều 13 Luật TGPL năm 2017). Đây là một số quyền và nghĩa vụ chung của Tổ chức thực hiện TGPL. Ngoài quyền và nghĩa vụ này, Trung tâm có một số quyền và nghĩa vụ *“Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về TGPL ủy quyền hoặc yêu cầu”* (điểm b, Khoản 2, Điều 13 Luật TGPL năm 2017). Với tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL có thêm quyền và nghĩa vụ *“được nhận thù lao và chi phí thực hiện vụ việc TGPL theo quy định của Chính phủ; theo hợp đồng thực hiện TGPL ”* (điểm b,c Khoản 3, Điều 13 Luật TGPL năm 2017). Và tổ chức đăng ký tham gia TGPL có thêm quyền và nghĩa vụ đó là *“Thực hiện TGPL theo nội dung đăng ký”* (điểm b, Khoản 4, Điều 13 Luật TGPL năm 2017).

Từ tính đặc thù của các tổ chức thực hiện TGPL mà quyền và nghĩa vụ có tính chất riêng, phù hợp với chức năng của từng tổ chức thực hiện TGPL. Tác giả luận văn cho rằng, với mỗi loại quyền và nghĩa vụ nêu trên đã cho thấy sự quản lý và tác động của nhà nước vào hoạt động TGPL là khá linh hoạt, tạo ra sự chủ động của các nguồn lực xã hội tham gia vào hoạt động này.

Ngoài những quy định về quyền và nghĩa vụ thì tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL có thể bị chấm dứt thực hiện TGPL khi thuộc một trong các trường hợp: Lĩnh vực đăng ký hoạt động TGPL không còn phù hợp theo quy định; Không còn đủ điều kiện về nhân sự làm việc, đó là “*tổ chức hành nghề luật sư; tổ chức tư vấn pháp luật có ít nhất 01 tư vấn viên pháp luật có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên hoặc 01 luật sư làm việc thường xuyên tại các tổ chức*”; hoặc “*cơ sở vật chất không còn phù hợp với hoạt động TGPL; Chấm dứt theo hợp đồng thực hiện TGPL; Thực hiện TGPL gây hậu quả nghiêm trọng; Chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật*”. (khoản 1, Điều 16 Luật TGPL năm 2017).

Tổ chức đăng ký tham gia TGPL chấm dứt thực hiện TGPL khi: “*không còn đáp ứng các điều kiện đăng ký tham gia TGPL; Tự chấm dứt sau khi đã thông báo bằng văn bản với Sở Tư pháp nơi đăng ký tham gia TGPL; không thực hiện TGPL trong thời gian 02 năm liên tục, trừ trường hợp do nguyên nhân khác; Thực hiện TGPL gây hậu quả nghiêm trọng; Chấm dứt hoạt động theo quy định*”. (khoản 2, Điều 16 Luật TGPL năm 2017).

Tại khoản 3, Điều 16 Luật TGPL năm 2017 cũng quy định “*Việc chấm dứt thực hiện TGPL, tổ chức tham gia TGPL có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp về việc chấm dứt thực hiện TGPL và chuyển hồ sơ vụ việc chưa hoàn thành đến tổ chức thực hiện TGPL được Sở Tư pháp giao để tiếp tục thực hiện*”. Điều này cho thấy sự quản lý của nhà nước về hoạt động TGPL đặc biệt là các tổ chức tham gia TGPL có chặt chẽ, cụ thể và trách nhiệm hơn. Có thể, trên thực tế việc quy định này còn chưa bao quát được hết tình trạng hoạt động nhỏ lẻ, manh mún của đội ngũ Luật sư, tư vấn viên pháp luật, song, điều luật cũng đã phản ánh được sự quản lý hai chiều của tổ chức tham gia TGPL tại địa phương.

1.4.1.2. Người thực hiện Trợ giúp pháp lý

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 17 Luật TGPL năm 2017 thì người thực hiện TGPL bao gồm “a) *Trợ giúp viên pháp lý; b) Luật sư thực hiện TGPL theo hợp đồng với Trung tâm TGPL nhà nước; Luật sư thực hiện TGPL theo sự phân công của tổ chức tham gia TGPL; c) Tư vấn viên pháp luật có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên làm việc tại tổ chức tham gia TGPL; d) Cộng tác viên TGPL*” và danh sách người thực hiện TGPL sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và Bộ Tư pháp.

Trợ giúp viên pháp lý là viên chức của Trung tâm có đủ những tiêu chuẩn như “1. *Có phẩm chất đạo đức tốt; 2. Có trình độ cử nhân luật trở lên; 3. Đã được đào tạo nghề luật sư hoặc được miễn đào tạo nghề luật sư; đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư hoặc tập sự trợ giúp pháp lý; 4. Có sức khỏe bảo đảm thực hiện TGPL; 5. Không đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật*” (Điều 19 Luật TGPL năm 2017). Quy định tiêu chuẩn Trợ giúp viên pháp lý cao hơn so với Điều 21, Luật TGPL năm 2006, vì để trở thành trợ giúp viên pháp lý thì phải tập sự TGPL – đây là một tiêu chuẩn mới, có tính ngang hàng về tiêu chuẩn với Luật sư. Quy định phản ánh tính tất yếu của hoạt động TGPL, vì TGPL là một dịch vụ công, thực hiện dịch vụ trong TGPL là một nghề. Do đó, nếu không đảm bảo tính chuyên nghiệp, chuyên môn cao và cạnh tranh với những người cùng “nghề” – Luật sư, Tư vấn viên ... thì không thể đảm bảo chất lượng của hoạt động TGPL. Sẽ làm giảm lòng tin của người thụ hưởng dịch vụ TGPL vào chính sách này.

Trợ giúp viên pháp lý có chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định, được hưởng phụ cấp trách nhiệm nghề bằng 25% mức lương hiện hưởng; được cấp trang phục riêng theo tiêu chuẩn, theo niên hạn (Điều 11 Nghị định 144/2017/NĐ-CP). Đã có một số ý kiến cho rằng cần tăng mức phụ cấp trách nhiệm theo nghề của Trợ giúp viên pháp lý lên 30% so với mức hiện hưởng, bổ sung phụ cấp thâm niên, phụ cấp công vụ, nhưng Chính phủ đã đề

ra nhiệm vụ “*hạn chế tối đa việc ban hành chính sách mới làm giảm thu, trừ các cam kết quốc tế; không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án làm tang chi ngân sách nhà nước khi không cân đối được nguồn*” (Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017). Do đó, thời điểm này, việc đề xuất nâng mức phụ cấp nghề là chưa phù hợp với chủ trương chung của Trung ương.

Theo báo cáo 8 năm thực hiện Luật TGPL năm 2006 của Bộ Tư pháp (tính đến ngày 31/12/2014), thì Trợ giúp viên pháp lý 572/1.314 người, chiếm 43.5% số cán bộ, viên chức làm việc tại các địa phương. Về cơ bản, “*đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý đã mang tính chuyên trách, chuyên nghiệp, chủ động. Bảo đảm được chất lượng vụ việc TGPL, góp phần bảo vệ công lý, công bằng xã hội, tăng tính hiệu quả trong thực thi công vụ và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống*” [3]. Về trình độ của Trợ giúp viên pháp lý thì số người được đào tạo nghề luật sư là 490/572 chiếm 85.6% số trợ giúp viên pháp lý, qua đó khẳng định được chất lượng chuyên môn nghiệp vụ của Trợ giúp viên pháp lý. Bên cạnh đó, số lượng Trợ giúp viên tham gia các vụ việc TGPL năm sau luôn cao hơn năm trước. Có một số nơi Trợ giúp viên pháp lý thực hiện 90 -95% vụ việc tham gia tố tụng như Lai Châu (Trợ giúp viên pháp lý thực hiện 128 vụ, chiếm 80.5% tổng số vụ việc tố tụng); Hải Phòng (Trợ giúp viên pháp lý thực hiện 97 vụ, chiếm 94.2%); Lào Cai (Trợ giúp viên pháp lý thực hiện 120 vụ, chiếm 99.2%) (Báo cáo hoạt động trong tố tụng năm 2013). Sau khi vụ việc TGPL được hoàn thành thì Trung tâm tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng vụ việc theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng TGPL (Thông tư 02/2013/TT-BTP ngày 05/01/2013 của Bộ Tư pháp ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc TGPL).

Luật sư thực hiện hợp đồng TGPL với Trung tâm – là việc cá nhân luật sư tham gia với tư cách luật sư độc lập, theo hợp đồng dân sự với Trung tâm.

Trung tâm căn cứ vào nhu cầu TGPL, nguồn lực thực hiện TGPL tại địa phương lựa chọn, ký kết hợp đồng thực hiện TGPL với Luật sư có đủ điều kiện đó là: Không đang trong thời gian thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư; Không bị cấm hành nghề hoặc bị hạn chế hoạt động nghề nghiệp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Được sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đang làm việc hoặc cơ quan, tổ chức mà luật sư ký kết hợp đồng lao động” (Khoản 3, Điều 14 Luật TGPL năm 2017). Còn với Luật sư thực hiện TGPL theo sự phân công của tổ chức đăng ký tham gia TGPL thì cũng phải tuân thủ những quy định đối với người thực hiện TGPL, có điều khác đó là việc thực hiện đó là từ nguồn kinh phí nào? Bằng nguồn lực của cá nhân, tổ chức hay ngân sách nhà nước.

Tư vấn viên có 02 năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức tham gia TGPL thì cũng có những quyền và nghĩa vụ tương ứng, song, hình thức tham gia TGPL thì có hạn chế hơn so với Trợ giúp viên pháp lý và Luật sư.

Đối với cộng tác viên thì quy định, “*ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ vào nhu cầu TGPL của người dân và điều kiện thực tế tại địa phương*”, có nghĩa là việc lựa chọn, ký kết hợp đồng thực hiện TGPL với luật sư phải căn cứ vào các điều kiện như: (1) Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; (2) nhu cầu TGPL của người dân; (3) điều kiện thực tế tại địa phương, có thể làm cộng tác viên TGPL, đó là: những người nghỉ hưu, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, có nguyện vọng thực hiện TGPL như (Trợ giúp viên pháp lý, thẩm phán, thẩm tra viên ngành Tòa án; kiểm sát viên, kiểm tra viên ngành kiểm sát; điều tra viên, chấp hành viên, thẩm tra viên ngành thi hành án dân sự; chuyên viên làm công tác pháp luật tại các cơ quan nhà nước. Và người được cấp thẻ cộng tác viên pháp lý chỉ tư vấn pháp luật tại địa phương (Điều 24 Luật TGPL năm 2017).

Khi thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL có quyền và nghĩa vụ như: Thực hiện TGPL; Được bảo đảm thực hiện TGPL độc lập, không bị đe dọa, cản trở, sách nhiễu hoặc can thiệp trái pháp luật; Từ chối hoặc không tiếp tục tham gia TGPL theo quy định; Được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ TGPL; Bảo đảm chất lượng vụ việc TGPL; Tuân thủ nguyên tắc hoạt động TGPL; Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy nơi thực hiện TGPL; Bồi thường hoặc trả một khoản tiền cho tổ chức thực hiện TGPL đã trả cho người bị thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện TGPL theo quy định (*khoản 1, Điều 18*). Ngoài ra, người thực hiện TGPL là Trợ giúp viên pháp lý thì còn có một số quyền và nghĩa vụ như “*Tham gia các khóa tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ TGPL; Thực hiện nhiệm vụ khác được phân công; Được hưởng chế độ chính sách theo quy định*” (Khoản 2 Điều 18 Luật TGPL năm 2017) và người thực hiện TGPL là luật sư, cộng tác viên ký hợp đồng thực hiện TGPL với Trung tâm thì được hưởng thù lao và chi phí thực hiện vụ việc TGPL theo quy định áp dụng với thời điểm thực hiện vụ việc TGPL.

1.4.2. Hình thức Trợ giúp pháp lý

Hiện nay hoạt động TGPL được thực hiện trong các lĩnh vực pháp luật, trừ lĩnh vực kinh doanh, thương mại. Đây là quy định được thực hiện xuyên suốt từ khi ban hành chính sách TGPL cho đến nay. Quy định phù hợp với nguyên tắc và tiêu chí của TGPL là trợ giúp cho đối tượng chính sách và người nghèo.

Về hình thức TGPL theo quy định hiện nay bao gồm: Tham gia tố tụng; Tư vấn pháp luật; Đại diện ngoài tố tụng. Đây là những hình thức TGPL chính thống và chủ yếu. Bên cạnh đó, trước Luật TGPL năm 2017 thì còn một số hình thức như giúp đỡ hòa giải; thực hiện các công việc liên quan đến thủ tục hành chính, khiếu nại; cung cấp văn bản pháp luật; thông tin pháp luật liên quan đến nội dung TGPL...

1.4.2.1. Tham gia tố tụng

Người thực hiện TGPL là Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư tham gia tố tụng để bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được TGPL khi bị bắt giữ, bị tạm giam, tạm giữ, là bị can, bị cáo hoặc bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định về TGPL và quy định về pháp luật tố tụng.

Thời điểm tiếp nhận yêu cầu TGPL được Luật TGPL năm 2017 rút ngắn còn 03 ngày làm việc (từ khi yêu cầu cử người thực hiện TGPL) và 12 giờ trong trường hợp người được TGPL là người bị bắt, người bị tạm giữ có yêu cầu cử người thực hiện TGPL. Quy định này, đảm bảo được quyền trong tố tụng của người được TGPL. Trong thời hạn này, Giám đốc Trung tâm hoặc Phó Giám đốc được ủy quyền và Trưởng Chi nhánh TGPL (theo địa bàn phụ trách) sẽ ký Quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư tham gia tố tụng trong hoạt động TGPL. Khi tham gia tố tụng, Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư phải xuất trình thẻ Trợ giúp viên pháp lý, hoặc thẻ cộng tác viên TGPL; Quyết định cử tham gia tố tụng với người được TGPL và cơ quan tố tụng.

Theo quy định hiện hành về TGPL thì việc tham gia tố tụng là hình thức chủ yếu trong hoạt động TGPL. Nâng cao chất lượng và hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ pháp lý thì trong năm 2016, 2017 và 2018 Bộ Tư pháp đã ban hành văn bản nêu rõ chỉ tiêu thực hiện, tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý của từng năm, từ đó là căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động của Trợ giúp viên pháp lý ở các mức: Đạt, Khá và Tốt. Một mặt, tận dụng được nguồn nhân lực là đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý tại các địa phương, mặt khác cũng theo thời gian để nâng cao trình độ và kinh nghiệm cho người thực hiện trợ giúp pháp lý là viên chức nhà nước. Cũng góp phần tạo điều kiện cho Trợ giúp viên pháp lý “đứng ngang hàng” với Luật sư trong các hoạt động pháp lý.

Bên cạnh đó, các quy định về thụ lý ngay trong hoạt động tố tụng cũng đặt ra nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đối tượng được TGPL.

1.4.2.2. *Tư vấn pháp luật*

Hình thức tư vấn pháp luật là dịch vụ pháp lý của người thực hiện TGPL hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến tranh chấp, khiếu nại, vướng mắc pháp luật; hướng dẫn giúp các bên đi đến hòa giải, thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc.

Về địa điểm thì tư vấn tại trụ sở và tư vấn ngoài trụ sở (TGPL lưu động – Luật TGPL năm 2016 và tư vấn tại cơ sở - Luật TGPL năm 2017).

Về kết quả, nếu như trước đây có thể tư vấn trả lời bằng miệng với những vụ việc pháp lý đơn giản, nhưng tại Khoản 2, Điều 32 Luật TGPL năm 2017 có quy định rõ “*người thực hiện TGPL có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời bằng văn bản cho người được TGPL*”.

Về thời hạn trả lời cũng quy định trả lời ngay hoặc thời gian từ 10 đến 30 ngày (tùy từng trường hợp).

Từ khi thực hiện chính sách TGPL cho đến nay, hình thức tư vấn pháp luật có thể nói là được áp dụng cơ bản và mang lại nhiều kết quả cho hoạt động TGPL. Thông qua các buổi tư vấn tại cơ sở cho đối tượng được TGPL mà người dân đã biết đến tổ chức và người thực hiện TGPL, quyền và nghĩa vụ khi được TGPL cũng như những quy định pháp luật có liên quan đến cuộc sống của người dân. Có nhiều hoạt động tư vấn tại cơ sở mang hiệu quả truyền thông rất lớn vì đã tiếp cận trực tiếp với người dân là những người được TGPL, giúp họ hiểu biết về quyền và nghĩa vụ của mình, phá bỏ sự e ngại khi tham gia TGPL vì tâm lý ngại bày tỏ, muốn giấu kín việc cá nhân, đời tư của mình. Cũng từ những hoạt động tích cực hướng về cơ sở của tổ chức TGPL trong thời gian qua đã khẳng định được vai trò của hoạt động TGPL trong cuộc sống. Người dân biết đến và tin tưởng vào người thực hiện TGPL, chính sách ưu việt của Nhà nước dành cho những người có hoàn cảnh

đặc biệt trong xã hội. Qua hình thức tư vấn pháp luật, tổ chức thực hiện TGPL đã mang đến cho người dân những quy định pháp luật mới, trợ giúp họ trong việc áp dụng pháp luật để nâng cao nhận thức và quyết định lựa chọn ứng xử phù hợp trong từng quan hệ xã hội, cộng đồng. Hoạt động tư vấn tại cơ sở giúp người dân có khó khăn về điều kiện kinh tế, giao thông sẽ dễ dàng tiếp cận với người thực hiện TGPL để từ đó họ có thêm kênh thông tin tìm hiểu pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, ngăn ngừa những vi phạm pháp luật xảy ra.

1.4.2.3. Đại diện ngoài tổ tụng

Người thực hiện đại diện ngoài tổ tụng trong hoạt động TGPL là Trợ giúp viên pháp lý và Luật sư sử dụng các biện pháp phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL. Thông qua Quyết định cử đại diện cho người được TGPL trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Phạm vi đại diện chỉ trong yêu cầu của người được TGPL.

Trong khi thực hiện nhiệm vụ, người thực hiện TGPL có quyền và nghĩa vụ theo quy định, đó là: đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan cung cấp thông tin, tài liệu, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện công việc đại diện; chủ động thực hiện việc TGPL trong phạm vi yêu cầu TGPL, được hưởng thù lao và chi phí hợp lý theo quy định. Bên cạnh đó, phải thực hiện một số nghĩa vụ như: bảo quản, giữ gìn tài liệu được giao, bí mật các thông tin từ vụ việc; Thông báo với người TGPL biết những kết quả từ công việc đại diện; bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

1.4.2.4. Hoạt động Trợ giúp pháp lý khác

Một số hình thức TGPL được nêu trên là những hình thức cơ bản, điển hình của hoạt động TGPL. Thông qua các hình thức này, người thực hiện TGPL đáp ứng như cầu bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đối tượng TGPL. Bên cạnh đó, còn một số hình thức TGPL khác đó là, cung cấp

tờ rơi, tờ gấp pháp luật; Bảng thông tin TGPL; Tờ thông tin TGPL; cung cấp thông tin pháp luật cho người được TGPL.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động Trợ giúp pháp lý

Hoạt động TGPL xác định đối tượng trung tâm là người nghèo, người có công với cách mạng, những người có khó khăn về tài chính, yếu thế trong xã hội. Do vậy, những yếu tố ảnh hưởng đến nhóm đối tượng này cũng gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động TGPL.

Về chính sách: Nhà nước đã ban hành chính sách TGPL từ rất sớm. Hơn 20 năm qua, từ khi khai sinh ra các tổ chức, các hình thức hoạt động về TGPL, sau khi đánh giá kết quả và rút ra bài học kinh nghiệm để hoàn thiện thể chế pháp luật hơn nữa. Từ Luật TGPL năm 2006 đến luật TGPL năm 2017 cho thấy, nội dung đã đi vào chiều sâu và bản chất của hoạt động, vừa thể hiện tính nhất quán trong việc ban hành và thực hiện chính sách của Nhà nước, vừa thể hiện sự điều tiết các nguồn lực của Nhà nước vào hoạt động TGPL.

Về xã hội: Người được TGPL đã nắm bắt được những chính sách của Nhà nước thông qua hoạt động TGPL, qua đó cũng biết được quyền và nghĩa vụ của mình trong chính sách TGPL. Hình thành nên thói quen ứng xử văn minh, phù hợp với quy định của pháp luật để từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Về tâm lý xã hội: Các lĩnh vực TGPL phù hợp với cuộc sống của người dân lao động; ảnh hưởng trực tiếp đến suy nghĩ và lối sống của cộng đồng nên các vụ việc TGPL đạt hiệu quả sẽ có tính lan tỏa trong xã hội. Dần dần, tiếng nói trong hoạt động TGPL được xã hội quan tâm và đánh giá cao. Đó chính là niềm tin của người dân vào chế độ chính sách của Nhà nước. Đây là thành công của nhà nước trong việc ban hành chính sách pháp luật – một công cụ để điều tiết xã hội.

Về dân trí: Thông qua các hình thức TGPL người dân thụ hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đã tăng sự nhận thức về pháp luật nói riêng và ý thức xã

hội nói chung. Trực tiếp là trong từng vụ việc được TGPL, gián tiếp là tính lan tỏa của hoạt động TGPL trong cộng đồng xã hội. Từ đó, ứng xử văn minh hơn, phù hợp hơn và tạo ra nền tảng cho những mối quan hệ tốt đẹp khác.

Tính toàn diện: Hệ thống pháp luật còn chưa tác động đầy đủ đến đối tượng của hoạt động TGPL. Vì trên thực tế, những vùng nhiều người TGPL thì nguồn nhân lực thực hiện lại hạn chế (vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn), do đó, các quy định cần đảm bảo hơn nữa việc huy động các nguồn lực được đồng đều, không bỏ sót yêu cầu của người được TGPL.

Huy động nguồn nhân lực: Cơ chế chính sách chưa đáp ứng với nhiệm vụ của người hoạt động trong lĩnh vực này. Nhà nước vẫn dựa vào kinh phí tự bảo đảm từ ngân sách, một số nguồn tài trợ hoặc thiện nguyện của cá nhân, tổ chức. Sự quản lý còn chưa chặt chẽ về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện TGPL dẫn đến việc, khi có chế độ đãi ngộ cao hơn với tính chất công việc tương ứng thì nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ không hoạt động TGPL hoặc có những rất ít, không đảm bảo được việc chất lượng TGPL được đồng đều.

Khi có chính sách TGPL thì hệ thống những tổ chức, người tham gia TGPL còn chưa nhận thức được đầy đủ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động này. Đôi khi còn coi hoạt động TGPL là “làm cho có”, không tính đến hiệu quả, chất lượng. Ảnh hưởng phần nào đến quá trình phát triển và tính ưu việt của chính sách này trên thực tế.

Kết luận chương 1

TGPL là một hoạt động đã được hình thành và phát triển hơn 20 năm tại Việt Nam. Chế định này đã được Đảng và nhà nước ta quan tâm từ sau ngày 2.9.1945. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ, ưu việt và mục tiêu xóa đói, giảm nghèo thì hoạt động TGPL phải được quan tâm và thực hiện đồng bộ, hiệu quả hơn nữa, nhất là trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tác giả đã nêu quy định qua các thời kỳ của chính sách pháp luật về TGPL. Qua các chế

định pháp luật và so sánh sự khác biệt, điểm mới, bổ sung qua các thời kỳ. Từ đó cũng xác định trách nhiệm cho từng chức danh trong hoạt động TGPL. Ở chương 1, tác giả đã nêu ra các đặc điểm, ý nghĩa của hoạt động này, từ đó nhận diện các yếu tố ảnh hưởng để hoàn thiện khung pháp luật hơn nữa.

Chương 2
THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TẠI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Thực trạng ban hành văn bản pháp luật

2.1.1. Về tổ chức bộ máy của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội

Với Hà Nội, đó là sự kết hợp, sát nhập của hai Trung tâm TGPL Nhà nước của hai tỉnh, thành phố: Hà Tây và Hà Nội.

2.1.1.1 Thời kỳ trước năm 2008

Ngày 13/5/1998, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 1914/QĐ-UB thành lập Trung tâm TGPL Nhà nước TP Hà Nội. Ngày 15/12/1998, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 71/1998/QĐ-UB ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL nhà nước thành phố. Thời kỳ này, chức danh Giám đốc Trung tâm do đồng chí Phó Giám đốc Sở Tư pháp kiêm nhiệm. Cán bộ của Trung tâm lúc đó chỉ có 02 đồng chí. Đến tháng 6 năm 1999 Trung tâm có Giám đốc. Đến năm 2007, Trung tâm bổ sung 07 đồng chí, nâng số lượng cán bộ, viên chức: 10 người. Cộng tác viên của Trung tâm thời kỳ mới thành lập chỉ có 15 người.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 35/2006/CT- TTg ngày 13/10/2006 về việc triển khai thi hành Luật Trợ giúp pháp lý, Ủy ban nhân dân thành phố đã giao cho Sở Tư pháp tổ chức khảo sát, đánh giá về nhu cầu trợ giúp pháp lý và điều kiện thực tế ở cơ sở xã, phường, thị trấn để xem xét việc thành lập các Chi nhánh trợ giúp pháp lý. Sở Tư pháp đã giao Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 07/02/2007 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý, ban hành chỉ thị về tăng cường công tác trợ giúp pháp lý và xây dựng đề án triển khai các chi

nhánh TGPL trên địa bàn thành phố, đồng thời từng bước kiện toàn về bộ máy tổ chức của Trung tâm và Chi nhánh trợ giúp pháp lý.

Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Hà Tây được thành lập thí điểm ngày 28/01/1997 theo Quyết định số 74/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây, là một trong 2 Trung tâm TGPL thành lập, triển khai thí điểm đầu tiên của cả nước (Cần Thơ và Hà Tây). Hoạt động TGPL thí điểm do được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, người dân biết đến nhanh nên hoạt động TGPL đã thu được một số kết quả đáng khích lệ (trên 700 vụ), số vụ việc ngày càng tăng cả về hình thức và nội dung, nhiều đối tượng đã gửi thư cảm ơn người thực hiện TGPL và trực tiếp là Trung tâm TGPL. Lãnh đạo tỉnh đánh giá cao và coi đây là một trong những loại hình đưa chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống hiệu quả nhất. Kết quả thí điểm chính là tiền đề quan trọng cho sự ra đời TGPL của Nhà nước. Ngày 05/10/1998, UBND tỉnh Hà Tây ban hành Quyết định số 1066/1998/QĐ-UBND về việc thành lập Trung tâm TGPL của Nhà nước tỉnh Hà Tây; Ngày 27/4/2007, UBND tỉnh Hà Tây ban hành Quyết định số 704/QĐ-UBND về việc đổi tên Trung tâm TGPL của Nhà nước tỉnh Hà Tây thành Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Hà Tây.

Về tổ chức và biên chế của Trung tâm tính đến năm 2007 có 10 viên chức và 121 cộng tác viên.

2.1.1.2. Sau năm 2008

Ngày 01/8/2008, Hà Nội được mở rộng trên cơ sở hợp nhất toàn bộ tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh-Vĩnh Phúc và 4 xã của huyện Lương Sơn - Hoà Bình theo Nghị quyết số 15/NQ-QH của Quốc hội về việc mở rộng địa giới Thủ đô. Hà Nội có diện tích 3.324,92 km² với dân số trên 7,2 triệu người. Địa hình của Hà Nội có 3 vùng: vùng đồng bằng, vùng gò đồi và vùng núi, được chia thành 30 đơn vị hành chính cấp huyện, với 584 xã, phường, thị trấn. Đồng bào các dân tộc thiểu số có khoảng 68.000 người thuộc 37 thành phần dân tộc,

chiếm 0,9% dân số toàn thành phố; trong đó dân tộc Mường chiếm 78,5% ; dân tộc Tày chiếm 8,8%; dân tộc Dao chiếm 3,6%; dân tộc Nùng chiếm 2,9%; còn lại là các dân tộc thiểu số khác. [36]

Trên cơ sở địa giới hành chính mới, ngày 30/10/2008 Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ký ban hành Quyết định số 1672/QĐ-UB về việc thành lập Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố trên cơ sở hợp nhất Trung tâm TGPL Nhà nước thuộc Sở Tư pháp thành phố Hà Nội và Trung tâm TGPL Nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Hà Tây. Do tình hình thực tế về việc điều chỉnh địa giới hành chính, bước đầu hoạt động của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Hà Nội gặp không ít khó khăn do địa giới hành chính mới rộng, số đầu mối cơ sở tăng lên, tổ chức bộ máy chưa ổn định, hoạt động còn chưa đồng đều và hiệu quả còn hạn chế.

Trung tâm đã tham mưu với Sở Tư pháp xây dựng mới Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm trên cơ sở Quy chế tổ chức hoạt động của 02 Trung tâm thuộc hai tỉnh, thành phố trước đây. Ngày 17/3/2009 Giám đốc Sở Tư pháp đã ký ban hành Quyết định 109/QĐ-STP về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội;

Ngày 22/6/2009 UBND thành phố đã ký Quyết định số 3075/QĐ-UBND phê duyệt Đề án số 179/ĐA-STP của Sở Tư pháp thành phố về việc thành lập các chi nhánh trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội. Theo đề án trên, năm 2009 Trung tâm đã đề nghị thành lập mới 07 chi nhánh và đổi tên 01 chi nhánh (chi nhánh trước đây Hà Tây đã thành lập); Năm 2014 Trung tâm tiếp tục đề nghị thành lập 03 chi nhánh, nâng tổng số Chi nhánh TGPL thuộc Trung tâm là 11 Chi nhánh.

Ngoài hệ thống văn bản từ Trung ương, thành phố, Sở Tư pháp thì Trung tâm còn ban hành Quy chế làm việc; quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý

tài sản; quy chế văn thư lưu trữ; Quy chế tiếp công dân; các Quyết định phân công địa bàn phụ trách, quyết định tổ chức hành chính; quyết định cử người tham gia tổ tụng, đại diện ngoài tổ tụng, phân công công tác khác, luân chuyển cán bộ... Đây là hệ thống văn bản nội bộ để điều hành từng lĩnh vực cụ thể của hoạt động TGPL. Hệ thống văn bản được ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế qua từng thời gian cụ thể phục vụ mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Trung tâm.

2.1.2. Về chuyên môn nghiệp vụ

Căn cứ Luật TGPL và các văn bản hướng dẫn thi hành, Sở tư pháp thành phố Hà Nội đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành các Quyết định, Kế hoạch, quy chế thực hiện các mục tiêu của hoạt động trợ giúp pháp lý hàng năm, định kỳ từng giai đoạn cho từng nhóm đối tượng cụ thể như: người khuyết tật, phụ nữ nghèo, trẻ em, người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố. Các quy định luôn bám sát những nội dung của hoạt động TGPL như: Kế hoạch trợ giúp pháp lý cho người nghèo; người khuyết tật; người có công với cách mạng, phụ nữ bị bạo hành, trẻ em... Các kế hoạch cụ thể về tổ chức chuyên môn nghiệp vụ thể hiện trong từng hình thức hoạt động của TGPL đó là: Tư vấn pháp luật; Tham gia tổ tụng; Đại diện ngoài tổ tụng; Hòa giải; Tập huấn về chính sách pháp luật mới, kỹ năng TGPL; khảo sát nhu cầu TGPL; Truyền thông về TGPL.

2.2. Thực trạng kết quả hoạt động Trợ giúp pháp lý

2.2.1. Cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội thực hiện Thông tư liên tịch số 08/2008/TTLT-BTP-BNV hướng dẫn về tổ chức và biên chế của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, theo đó, cơ cấu tổ chức cán bộ, viên chức và người lao động hiện có là 79 người (được giao theo chỉ tiêu là 84 người). Trong đó có 75 viên chức, 03 lao động hợp đồng theo Nghị định 68 và 01 hợp đồng trong chỉ tiêu). Có 53 cán bộ nữ, 26 cán bộ nam; thạc sĩ: 09

người (chiếm 11,5%), trình độ đại học: 64 (chiếm 82,1%), trình độ cao đẳng: 02 người (chiếm 2,5%), trình độ trung cấp: 01 người (chiếm 1.3%), trình độ THPT: 02 người (chiếm 2,5%). Trong đó có 41 trợ giúp viên pháp lý. [47]

Về tổ chức các đơn vị trực thuộc Trung tâm có 03 phòng nghiệp vụ (phòng pháp luật Hành chính - Hình sự, phòng pháp luật Dân sự - Đất đai, phòng pháp luật Lao động - Xã hội) và 01 phòng Hành chính - Tổng hợp. Có 11 Chi nhánh trợ giúp pháp lý đặt tại các quận, huyện, thị xã: Sơn Tây, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Nam Từ Liêm, Đông Anh, Phú Xuyên, Mỹ Đức, Hà Đông, Chương Mỹ, Gia Lâm và Ba Vì. Các Chi nhánh và các phòng được phân công phụ trách hoạt động TGPL trong địa bàn cụm các quận, huyện lân cận. Các Chi nhánh được phụ trách cụm địa bàn từ 2 đến 3 quận, huyện, riêng chi nhánh TGPL số 10 thì chỉ phụ trách địa bàn huyện Ba Vì. Sự phân công này phù hợp với nhu cầu TGPL cũng như nguồn nhân lực thực hiện TGPL tại đây.

Ngoài ra, để đảm bảo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, Trung tâm đã ký hợp đồng cộng tác với các cộng tác viên trên địa bàn Thành phố. Tính đến ngày 31/12/2017, Trung tâm có 209 cộng tác viên trong đó có 161 người là luật sư, 48 người là cán bộ cơ quan cấp thành phố, cấp huyện, cấp xã và một số cán bộ trong các Hội, Đoàn thể khác [46]. Tuy nhiên, theo Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Trung tâm căn cứ vào nguồn lực trợ giúp pháp lý của mình để lựa chọn, ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với luật sư, các cộng tác viên khác theo quy định.

Bên cạnh đó, Trung tâm còn có Chi bộ, Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên. Trong những năm gần đây các tổ chức đoàn thể đã có những hoạt động tích cực, quy tụ được đông đảo các cán bộ, Đảng viên, đoàn viên tham gia như: hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, các hoạt động “*Uống nước nhớ nguồn*”, hoạt động từ thiện, nhân đạo cả về tri thức pháp luật cũng như vật chất cho các đối tượng yếu thế như: người nghèo, người khuyết tật, người có công với cách mạng.

2.2.2. Chức danh theo biên chế của Trung tâm

Về số lượng người, cơ sở vật chất và biên chế của Trung tâm thì căn cứ vào khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, yêu cầu của công tác TGPL tại địa phương. Tại Hà Nội hiện nay có những chức danh như sau:

Giám đốc Trung tâm là người đứng đầu và là người đại diện theo pháp luật của Trung tâm. Theo Luật TGPL năm 2017 thì, Giám đốc Trung tâm do Giám đốc Sở Tư pháp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chịu trách nhiệm toàn bộ về hoạt động của Trung tâm. Về tiêu chuẩn bổ nhiệm Giám đốc thì tại Điểm a, Khoản 1, Điều 4 luật này quy định “*Có ít nhất 03 năm là Trợ giúp viên pháp lý hoặc thẩm phán hoặc kiểm sát viên, điều tra viên trung tá trở lên hoặc có 05 năm làm công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý trong ngành Tư pháp*”. Theo tác giả, đây là một tiêu chuẩn phù hợp và cần thiết đối với chức danh này, nhằm đảm bảo người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải có trình độ, kiến thức và kỹ năng về TGPL hoặc kỹ năng, kinh nghiệm tranh tụng, có năng lực điều hành. Từ đó, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm. Đồng thời, điều kiện này tạo thuận lợi trong công tác cán bộ khi có thể phát triển nguồn tại chỗ hoặc người có kinh nghiệm trong các công việc có liên quan đến TGPL. Trên thực tế, chức danh trợ giúp viên pháp lý là người làm nghề và cung cấp dịch vụ pháp lý mang tính chất công. Nếu người đứng đầu của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý không nắm rõ các quy trình, thủ tục, kỹ năng mà “nghề” trợ giúp viên phải thực hiện thì công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoặc khi thực hiện vụ việc sẽ không đảm bảo được yêu cầu đặt ra của hoạt động TGPL. Hiện nay, Giám đốc phụ trách chung tất cả các hoạt động chung của Trung tâm đồng thời cũng phụ trách trực tiếp Phòng Hành chính – tổng hợp, Phòng Dân sự - đất đai và Chi nhánh số 10.

Các Phó giám đốc Trung tâm do Giám đốc Sở tư pháp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Phó Giám đốc Trung tâm phụ trách một hoặc một số lĩnh

vực công tác do Giám đốc Trung tâm phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm về kết quả công tác được giao. Hiện nay, tính đến tháng 3 năm 2018 Trung tâm có 2 Phó giám đốc, mỗi người được phân công phụ trách 01 Phòng nghiệp vụ và 05 Chi nhánh.

Trợ giúp viên pháp lý: là viên chức của Trung tâm đảm bảo có các tiêu chuẩn về đạo đức; là cử nhân luật trở lên; đã được đào tạo nghề luật sư hoặc được miễn đào tạo nghề luật sư; đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư hoặc tập sự TGPL; có sức khỏe bảo đảm thực hiện TGPL và không đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật (Điều 19 Luật TGPL năm 2017). So với tiêu chuẩn Luật TGPL năm 2016 thì Luật 2017 có thêm quy định về tập sự TGPL. Điều này cũng nhằm nâng cao trình độ của Trợ giúp viên pháp lý so với Luật sư và tính cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ pháp lý cho người dân.

Trợ giúp viên pháp lý có các chức danh nghề nghiệp viên chức; được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo nghề bằng 25% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp lãnh đạo và phụ cấp vượt khung (nếu có); Được cấp trang phục riêng theo tiêu chuẩn và niên hạn; được hưởng bồi dưỡng là 40% (bằng hình thức tham gia tổ tụng), là 20% (hình thức đại diện ngoài tổ tụng) so với mức thù lao áp dụng đối với luật sư. Đây là những điều kiện tiền đề cho đội ngũ trợ giúp viên pháp lý tại thành phố Hà Nội hoạt động ngày càng hiệu quả và chuyên sâu hơn, đáp ứng 100% yêu cầu TGPL của người dân.

Với đội ngũ 41 trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm sẽ đứng trước những thuận lợi và thách thức. Thuận lợi vì lực lượng thực hiện các hoạt động nghiệp vụ đông đảo và chuyên nghiệp hơn, nhưng đến nay, Bộ Tư pháp đã đặt ra chỉ tiêu vụ việc cho từng trợ giúp viên pháp lý. Nếu không đảm bảo thực hiện trên thực tế các chỉ tiêu thì sẽ liên quan đến việc đánh giá nhiệm vụ của từng cá nhân cũng như tập thể. Điều đó, đặt ra trách nhiệm là phải triển khai hiệu quả và đồng bộ, sâu rộng những quy định mới của Luật TGPL năm 2017. Bản thân mỗi Trợ giúp viên pháp lý không những nâng cao trình độ chuyên

môn trong quá trình tiếp xúc, tư vấn tiền tố tụng, để giải quyết vụ việc một cách hiệu quả, mang lại niềm tin cho người được TGPL. Hơn nữa, việc tiếp cận đối tượng được TGPL cần mở rộng, thay đổi phương pháp để không bỏ sót đối tượng được TGPL, trong khi nguồn lực thực hiện vụ việc lại đông đảo.

Chuyên viên pháp lý là viên chức có bằng cử nhân Luật trở lên làm việc tại Trung tâm. Không được tham gia các hình thức TGPL nhưng được phân công giúp việc cho lãnh đạo Trung tâm, các phòng, các chi nhánh để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ, hành chính, đoàn thể nói chung. Hiện nay, với chế định tập sự trợ giúp pháp lý thì chuyên viên pháp lý – đã có chứng chỉ học lớp Luật sư tại Học viện Tư pháp - làm việc tại Trung tâm còn được cùng với trợ giúp viên pháp lý hướng dẫn “*gặp gỡ người được TGPL và đương sự khác trong vụ việc TGPL khi được người đó đồng ý; giúp trợ giúp viên pháp lý nghiên cứu hồ sơ vụ việc, thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến vụ việc và các hoạt động nghề nghiệp khác*” (Khoản 2, Điều 20 Luật TGPL năm 2017). Như vậy, với yêu cầu càng tăng về sự chuyên sâu trong nghiệp vụ thì chuyên viên pháp lý đã có cơ hội tiếp cận với các vụ việc TGPL giống như các cộng tác viên không phải là Luật sư. Quy định này góp phần nâng cao vị thế của trợ giúp viên pháp lý ngang bằng với Luật sư và là một tiền đề để kiến nghị thay đổi chế định miễn tập sự luật sư của Trợ giúp viên pháp lý khi hành nghề Luật sư trong thời gian tới.

Chức danh kế toán, Thủ quỹ tại Trung tâm chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ theo Luật viên chức, Luật Kế toán, Luật TGPL và các văn bản hướng dẫn thi hành, văn bản nội bộ về hoạt động của Trung tâm. Tại Hà Nội, bộ phận Kế toán thuộc Phòng Hành chính – tổng hợp. Có Kế toán trưởng và 02 kế toán viên và 01 thủ quỹ. Số lượng phù hợp với nhu cầu đảm bảo hoạt động của Trung tâm. [47]

Các chức danh còn lại như: Lái xe, tạp vụ, bảo vệ được thực hiện chế độ hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ

về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Ngoài ra, còn có 01 Hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế là chuyên viên pháp lý [47]. Đây là trường hợp ký hợp đồng để thực hiện nhu cầu về nguồn nhân lực tại địa bàn, trong khi chưa có quy định về thi tuyển viên chức tại thời điểm ký hợp đồng.

Ngoài ra, còn có gần 200 cộng tác viên của Trung tâm. Các cộng tác viên là Luật sư, luật gia, người nghỉ hưu ở các cơ quan pháp luật tham gia các hoạt động tương ứng với hợp đồng cộng tác của từng người.

Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 quy định về cộng tác viên pháp lý “Ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ nhu cầu TGPL của người dân và điều kiện kinh tế tại địa phương, Giám đốc Trung tâm TGPL nhà nước đề nghị Giám đốc Sở tư pháp cấp thẻ cộng tác viên TGPL cho người có đủ điều kiện”. Quy định này đặt ra với TGPL Hà Nội một nhiệm vụ khác biệt hơn, vì điều luật quy định rõ về “điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn” nên chế độ cộng tác viên sẽ có những điểm khác biệt hơn so với mặt bằng chung các tỉnh, thành phố khác.

2.2.3. Kết quả trợ giúp pháp lý

2.2.3.1. Tham gia tố tụng và đại diện ngoài tố tụng

Thực hiện thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT ngày 28/12/2007 và Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, Trung tâm đã chủ động phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện công tác tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng. Từ sau khi sát nhập địa giới hành chính, hình thức này có kết quả như sau:

* *Tham gia tố tụng*: Trung tâm đã cử trợ giúp viên pháp lý và luật sư cộng tác viên của Trung tâm tham gia tố tụng với 3.518 vụ việc để đại diện, bào chữa hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho 3.831 người (chủ yếu là

người dưới 18 tuổi, người có công với cách mạng, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo...) trong các lĩnh vực: hình sự, dân sự, đất đai, hành chính...[47]

* *Đại diện ngoài tố tụng*: Trung tâm đã ban hành trên 20 quyết định cử trợ giúp viên pháp lý và luật sư cộng tác viên đại diện ngoài tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho hơn 20 người là người có công với cách mạng, người khuyết tật trong các lĩnh vực về dân sự, đất đai. [47]

* *Đánh giá chất lượng vụ việc tham gia tố tụng và đại diện ngoài tố tụng*: Để hoàn thiện và đánh giá kết quả vụ việc, Trung tâm đã tiếp nhận, kiểm tra, thu hồ sơ trợ giúp pháp lý trong tố tụng của luật sư cộng tác viên và trợ giúp viên pháp lý. Qua thẩm định, đánh giá, các vụ việc đạt chất lượng tốt, không có vụ việc không đạt chất lượng.

Riêng năm 2017, Trung tâm đã cử Trợ giúp viên pháp lý và Luật sư tham gia 465 vụ việc để đại diện, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho 493 người được (tăng 79 vụ việc và 92 người so với năm 2016). Trong đó, trong lĩnh vực hình sự 418 vụ (tăng 71 vụ so với năm 2016); Dân sự 38 vụ (tăng 11 vụ so với năm 2016); khiếu kiện hành chính 04 vụ (tăng 02 vụ so với năm 2016); hôn nhân gia đình 05 vụ (giảm 05 vụ so với năm 2016). [47]

Về diện người được TGPL thì chủ yếu là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi) là 307 người (tăng 47 người); Người khuyết tật 76 người (tăng 5 người); người nghèo 52 người (tăng 22 người); người có công với cách mạng 38 người (tăng 6 người); người dân tộc thiểu số 19 người (tăng 8 người); người bị nhiễm HIV là 02 người; người bị nhiễm chất độc hóa học là 01 người. [47]

Về người thực hiện vụ việc thì chủ yếu là Trợ giúp viên pháp lý: 351 vụ, đạt tỉ lệ 75.48% (tăng 138 vụ tương đương với 21.18% so với năm 2016); Luật sư thực hiện 114 vụ đạt tỉ lệ 24.52% (giảm 66 vụ tương đương với 21.18% so với năm 2016). [47]

Về chất lượng vụ việc TGPL thì qua việc thu 513 bộ hồ sơ và thực hiện đánh giá kết quả theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-BTP ngày 05/01/2013 của Bộ Tư pháp ban hành bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc TGPL là 509 bộ. Qua thẩm định, đánh giá cho thấy, các vụ việc đạt chất lượng tốt. Không có vụ việc không đạt chất lượng. [47]

Qua số liệu báo cáo trên đây cho thấy, hình thức tham gia tố tụng và đại diện ngoài tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý tăng hơn so với Luật sư cộng tác viên của Trung tâm. Đây là một cách giảm chi hiệu quả cho ngân sách nhà nước.

2.2.3.2. Tư vấn pháp luật

Đây là hình thức TGPL được chú trọng và quan tâm đúng mức, thực hiện thường xuyên, liên tục tại các địa bàn, đặc biệt là tới nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khi tiếp xúc với tổ chức, người thực hiện TGPL. 10 năm qua (2008 -2018), Trung tâm đã phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, các trường học... tổ chức được hơn 2060 đợt trợ giúp pháp lý lưu động. Số người được tư vấn trực tiếp tại trụ sở và tại các cuộc trợ giúp pháp lý lưu động là 50.577 người. Đối tượng chủ yếu là người khuyết tật, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người có công với cách mạng... Số vụ việc tư vấn tại trụ sở và tại các cuộc trợ giúp pháp lý lưu động là 51.987. Các vụ việc chủ yếu tập trung ở các lĩnh vực: đất đai, nhà ở, môi trường, dân sự, hôn nhân gia đình, pháp luật ưu đãi người có công, chính sách ưu đãi khác... [47]

Bên cạnh đó, Trung tâm đã tập trung hướng dẫn cho một số xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành lập câu lạc bộ trợ giúp pháp lý. Hiện nay, có 130 câu lạc bộ trợ giúp pháp lý đã được thành lập và thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên đề pháp luật. Trung tâm đã tham gia trên 200 buổi sinh hoạt câu lạc bộ trợ giúp pháp lý và tư vấn giải đáp thắc mắc có liên quan đến pháp luật cho hơn 3.100 người với hơn 3.400 vụ việc. [47]

Riêng năm 2017, Trung tâm đã chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, các Chi nhánh thực hiện nghiêm túc việc trực tiếp dân tại trụ sở và phân bổ việc thực

hiện các đợt trợ giúp pháp lý lưu động đến các thôn, làng, xã, các tổ chức của người khuyết tật, các trường học ... Thể hiện ở các nội dung như:

Tư vấn tại trụ sở: Trợ giúp viên pháp lý đã tiếp 377 lượt người với 377 vụ việc (tăng 22 người so với năm 2016). Các vụ việc được tư vấn chủ yếu tập trung ở các lĩnh vực: đất đai, nhà ở, tài nguyên môi trường là 181 vụ việc; dân sự 98 vụ việc; hôn nhân và gia đình là 50 vụ việc, hình sự là 30 vụ việc. [46]

Tư vấn pháp luật tại các buổi trợ giúp pháp lý lưu động (nay gọi là tư vấn về cơ sở): Trung tâm đã phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, trường học ... tổ chức được 467 đợt TGPL (tăng 62 đợt so với năm 2016). Số người tham dự là 44.992 người. Số người được tư vấn là 9.900 người (tăng 1.352 người so với năm 2016). Các đối tượng được tư vấn chủ yếu là người khuyết tật 2.970; trẻ em 982; người có công với cách mạng 868; người thuộc hộ nghèo 724 và còn lại là một số đối tượng khác. Số vụ việc được tư vấn là 9.929 vụ việc. Các vụ việc như: Đất đai, nhà ở, môi trường 2.099 vụ; dân sự 2.684 vụ; hôn nhân và gia đình 1852 vụ; chính sách xã hội là 1.181 vụ việc. [46]

Đối với Câu lạc bộ TGPL thì không thành lập mới. Các Câu lạc bộ đang tồn tại thì giải thể hoặc sáp nhập với câu lạc bộ khác ở địa phương để tăng cường hiệu quả hoạt động. [25]. Do đó, trong năm 2017 Trung tâm cũng không còn hướng dẫn sinh hoạt cho Câu lạc bộ TGPL. Chưa làm thủ tục giải thể hoặc sáp nhập với các Câu lạc bộ khác tại địa phương.

Hình thức tư vấn pháp luật tại trụ sở thì được thực hiện bởi các Trợ giúp viên pháp lý, còn hình thức tư vấn pháp luật ngoài trụ sở thường được thực hiện bởi các Luật sư, các cộng tác viên khác. Vì thực tế, số lượng Trợ giúp viên tại Trung tâm và các Chi nhánh, ngoài công việc chuyên môn thì còn phải làm nhiều các công việc về hành chính, tổ chức, đoàn thể khác. Các Chi nhánh thì hoạt động theo địa bàn được phân công, do vậy, nguồn nhân lực để thực hiện tư vấn ngoài trụ sở vẫn là các cộng tác viên của Trung tâm.

2.2.4. Hoạt động Trợ giúp pháp lý khác

2.2.4.1. Tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ

Để triển khai thực hiện các chính sách pháp luật trong hoạt động TGPL thì hàng năm, ngoài việc Trung tâm cử cán bộ, trợ giúp viên pháp lý tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng trợ giúp pháp lý thì Trung tâm còn tiến hành tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho Trợ giúp viên pháp lý, các cộng tác viên và cán bộ chính quyền, tổ chức đoàn thể có liên quan các văn bản pháp luật mới, các kỹ năng trong hoạt động TGPL. Trong thời gian từ năm 2008 -2018, Trung tâm đã tổ chức 104 đợt tập huấn về các văn bản pháp luật mới ban hành và kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho Trợ giúp viên pháp lý, chuyên viên và Cộng tác viên của Trung tâm, cho người tiến hành tố tụng. Ngoài ra, Trung tâm thường xuyên tổ chức những buổi tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, trao đổi kinh nghiệm trợ giúp pháp lý cho các trợ giúp viên pháp lý và chuyên viên tại Trung tâm theo định kỳ 02 lần/tháng [47]. Riêng năm 2017, Trung tâm cử Trợ giúp viên tham gia 05 cuộc tập huấn, bồi dưỡng kiến thức của Cục Trợ giúp pháp lý – Bộ Tư pháp và Trung tâm tổ chức 12 buổi tập huấn về các văn bản pháp luật mới ban hành, kỹ năng thực hiện TGPL. Nội dung là các Bộ Luật mới như Hình sự, dân sự, luật tạm giữ, tạm giam và thi hành án; các kỹ năng tham gia tố tụng hành chính, trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật, trẻ em, phụ nữ bị bạo hành.[46]

Trên cơ sở các Kế hoạch được ban hành, Trung tâm đã xây dựng các nội dung pháp luật cơ bản và cần thiết cho người thực hiện TGPL trên địa bàn thành phố Hà Nội, đặc biệt là các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Cán bộ trại tạm giam, nhà tạm giữ – là những người tiến hành tố tụng đang thực hiện nhiệm vụ trực tiếp hướng dẫn cho người được TGPL là bị can, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn, bị đơn trong các vụ án. Do đó, các lớp tập huấn đã bảo đảm được về mục đích, nội dung đã phần nào phù hợp với yêu cầu của thực tiễn công tác. Qua thời gian,

các chuyên đề, nội dung tập huấn được thay đổi. Việc mời các giảng viên có tính chuyên sâu về cả lý luận và thực tiễn đã góp phần làm cho các buổi tập huấn có tác dụng tích cực. Giúp người thực hiện TGPL cập nhật kiến thức văn bản pháp luật mới, nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn trong tiếp cận và thực hiện các vụ việc về TGPL, hiểu rõ cách thức, quy trình để thực hiện TGPL ngày càng hiệu quả, chất lượng hơn.

Trong quá trình xây dựng và tổ chức các buổi tập huấn vẫn còn xảy ra những hạn chế, nhược điểm đó là: Đối tượng và nội dung thường bị trùng lặp; các chuyên đề pháp luật thường chỉ được tập huấn ở mức Luật, Nghị định, các nội dung thuộc về chi tiết thì ít khi được quan tâm, hướng dẫn; Bên cạnh đó, các vướng mắc thực tế trong khi áp dụng các văn bản pháp luật không được giải đáp hoặc hướng dẫn kịp thời; người trình bày chuyên đề còn chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn nên chưa đưa ra được cách giải quyết phù hợp với nhu cầu của người tham gia buổi tập huấn.

2.2.4.2. Khảo sát nhu cầu trợ giúp pháp lý

Để nắm bắt được nhu cầu trợ giúp pháp lý và tạo cơ sở cho việc xây dựng các kế hoạch cũng như triển khai các hoạt động cụ thể, thì Trung tâm đã tiến hành xây dựng phương án, phiếu khảo sát và thực hiện khảo sát nhu cầu trợ giúp pháp lý cho người dân nói chung và nhóm đối tượng là người khuyết tật, là phụ nữ, người có công với cách mạng, là trẻ em trong các lĩnh vực theo quy định của Luật đất đai, luật hôn nhân gia đình, Luật người khuyết tật, hình sự, dân sự, lao động, khiếu nại hành chính, luật trẻ em.

Các nội dung khảo sát thường mang tính thời sự, cụ thể đối với từng nhóm đối tượng được tiến hành khảo sát. Dựa vào mục tiêu trong từng giai đoạn và nhu cầu TGPL trong từng thời kỳ mà việc xây dựng phương án, mẫu phiếu, nội dung khảo sát phù hợp nhằm đánh giá được nhu cầu thực sự của người dân trong hoạt động TGPL.

Trung bình, mỗi năm Trung tâm tiến hành xây dựng kế hoạch để thực hiện từ 5 đến 6 đợt khảo sát với mỗi nhóm đối tượng và nội dung khác nhau. Các nhóm đối tượng được quan tâm và khảo sát thường xuyên đó là người khuyết tật, phụ nữ và trẻ em. Đây là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khi tham gia các quan hệ pháp luật trong xã hội. Qua nội dung câu hỏi trong từng mẫu phiếu, cũng nhằm đưa đến thông tin pháp luật cho người được khảo sát và đưa ra những đánh giá, nhận định về nhu cầu khảo sát của nhóm đối tượng đó. [47]

Kết quả của hoạt động khảo sát là tiền đề cho việc xây dựng Kế hoạch, xác định các mục tiêu, các phương pháp, cách thức để TGPL cho hiệu quả, chuyên nghiệp và chất lượng.

2.2.4.3. Truyền thông về Trợ giúp pháp lý

Hàng năm, dựa trên nhu cầu TGPL của người dân, Trung tâm tiến hành thực hiện các hình thức truyền thông như: Tuyên truyền trên các Báo Pháp luật xã hội, Báo Hà Nội Mới, Báo Kinh tế đô thị, Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội (mục hộp thư truyền hình, chuyên đề pháp luật, trả lời câu hỏi bạn xem truyền hình) và một số phương tiện thông tin đại chúng khác. Bên cạnh đó, các hình thức truyền thông cụ thể và bắt buộc đó là: hướng dẫn đối tượng TGPL các thủ tục, giấy tờ, quy trình khi tham gia TGPL thông qua Bảng thông tin TGPL đặt tại trụ sở Trung tâm, các Chi nhánh và các cơ quan tiến hành tố tụng cấp quận, huyện, thị xã, thành phố, các trại tạm giam, nhà tạm giữ; đồng thời in tờ thông tin, tờ rơi, tờ gấp pháp luật về các nội dung có liên quan đến chính sách TGPL, chính sách của nhà nước về đất đai, hôn nhân gia đình, về người khuyết tật...; Năm 2017, Trung tâm đã tổ chức 27 cuộc phổ biến pháp luật cho người dân tại các xã nghèo, xã miền núi và cho người khuyết tật trên địa bàn thành phố. Thông qua các hoạt động truyền thông, người dân đã tiếp cận được với hoạt động TGPL một cách hiệu quả hơn, đồng đều hơn. Cụ thể đó là việc số liệu vụ việc năm sau luôn tăng hơn năm trước. [46]

2.2.4.4. Góp ý, xây dựng văn bản pháp luật

Dựa vào chuyên môn và công tác thực tiễn trong hoạt động pháp luật, Trung tâm thường được xin ý kiến góp ý các nội dung văn bản mới, bổ sung, thay thế hoặc sửa đổi. Hàng năm, Trung tâm thực hiện góp ý từ 4 đến 6 nội dung văn bản, đó là Luật TGPL, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và một số văn bản pháp luật khác. Bên cạnh đó, Trung tâm được Sở Tư pháp giao nhiệm vụ xây dựng các Kế hoạch triển khai nhiệm vụ TGPL của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Các Kế hoạch này phù hợp với nhiệm vụ trọng tâm về công tác TGPL của Trung ương và đảm bảo thực hiện TGPL tại địa phương. Năm 2017, Trung tâm đã tham mưu cho Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai chính sách TGPL cho người khuyết tật năm 2017 – 2018; Kế hoạch triển khai thi hành Luật TGPL năm 2017.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động Trợ giúp pháp lý tại Hà Nội

2.3.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất: Đội ngũ trợ giúp viên pháp lý ngày càng trưởng thành và khẳng định được vai trò của mình trong việc thực hiện trợ giúp pháp lý, nhất là lĩnh vực tham gia tố tụng. Chất lượng các vụ việc trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực tham gia tố tụng ngày càng tăng (năm sau cao hơn năm trước), thể hiện sự chuyên nghiệp, hiệu quả, nhận được sự phản hồi tích cực của người được trợ giúp pháp lý. Tạo được lòng tin của người được TGPL. Đó cũng là mục tiêu của chính sách TGPL vào chế độ, nhà nước.

Thứ hai: Hỗ trợ chính quyền cơ sở trong việc ổn định trật tự xã hội, tháo gỡ những vướng mắc giữa người dân với các cơ quan công quyền, làm lành mạnh hóa các mối quan hệ ở địa phương (đặc biệt là các mối quan hệ trong pháp luật dân sự). Áp dụng các biện pháp hợp lý, cách tiếp cận hài hòa đã làm cho người dân hiểu và tin hơn vào chính quyền, quy định của pháp luật. Tăng tính hợp tác trong mối quan hệ giữa chính quyền với nhân dân địa phương. Bên cạnh đó, hoạt động trợ giúp pháp lý ở cơ sở cũng giúp chính

quyền địa phương xem xét, điều chỉnh các mối quan hệ giữa cán bộ công chức các cơ quan Nhà nước với công dân, làm cho mối quan hệ chính quyền và nhân dân xích lại gần nhau hơn. Qua đó thể hiện vai trò giám sát của nhân dân đối với chính quyền địa phương. Thực hiện chức năng điều tiết xã hội của nhà nước.

Thứ ba: Trung tâm nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của Cục Trợ giúp pháp lý, của UBND Thành phố, Sở Tư pháp và các Sở, Ngành trong việc kiện toàn tổ chức, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức cũng như tạo điều kiện về kinh phí nghiệp vụ, cơ sở vật chất cho các Chi nhánh và Trung tâm, tạo sự ổn định và từng bước phát triển.

Thứ tư: Sự phối hợp chặt chẽ và từng bước có hiệu quả của các cơ quan tiến hành tổ tụng đối với công tác phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng.

Thứ năm: Mối quan hệ phối hợp giữa Trung tâm, Chi nhánh Trợ giúp pháp lý với các Phòng Tư pháp quận, huyện, thị xã và lãnh đạo các xã, phường, thị trấn được quan tâm đúng mức, do vậy công tác trợ giúp pháp lý lưu động, tư vấn ngoài trụ sở và hoạt động của các Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý đi vào thực chất hơn, có hiệu quả hơn.

Thứ sáu: Hoạt động trợ giúp pháp lý đã thu hút được sự tham gia nhiệt tình, trách nhiệm của các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân là luật sư, luật gia, cộng tác viên khác.

2.3.2. Hạn chế

Một là: Trụ sở Trung tâm còn chật hẹp, cũ và xuống cấp nghiêm trọng; một số trụ sở Chi nhánh được mượn, diện tích còn nhỏ, hẹp, (chi nhánh số 6 – đặt tại huyện Phú Xuyên, chi nhánh số 7 – đặt tại huyện Mỹ Đức, chi nhánh số 11 – đặt tại huyện Gia Lâm); có chi nhánh phải thuê (chi nhánh số 5 – đặt tại Đông Anh) nên thiếu tính ổn định, phải phụ thuộc vào một số cá nhân, tổ chức đã gây nên không ít khó khăn cho cán bộ viên chức làm việc và các đối

tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý tiếp cận với tổ chức trợ giúp pháp lý. Đây cũng là yếu tố quan trọng để hoạt động của tổ chức TGPL đi vào ổn định, phát triển.

Hai là: Một số trợ giúp viên pháp lý mới được bổ nhiệm, kinh nghiệm chưa nhiều, chưa đảm nhận được hết trách nhiệm cá nhân trong những vụ án phức tạp. Tính đến tháng 12 năm 2017, Trung tâm có 41 Trợ giúp viên pháp lý, trong đó có 6 trợ giúp viên pháp lý mới bổ nhiệm nâng tổng số trợ giúp viên pháp lý có thâm niên dưới 3 năm lên 13/41 người [46]. Con số này cho thấy, Trung tâm sẽ phải thực hiện chức năng điều tiết cụ thể, thẩm định nội dung vụ việc sát hơn để ra quyết định cử người thực hiện TGPL trong tố tụng và đại diện ngoài tố tụng. Vừa đáp ứng nhu cầu của người được TGPL, vừa đảm bảo chất lượng vụ việc TGPL.

Ba là: Sự phối hợp công tác trợ giúp pháp lý của một số cơ quan, tổ chức đoàn thể xã hội chưa thực sự nhiệt tình, trách nhiệm, đặc biệt là một số người tiến hành tố tụng, một số cơ quan tiến hành tố tụng. Hiện nay, việc hướng dẫn và giải thích quyền được TGPL do người tiến hành tố tụng thực hiện theo Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng,. Để thể hiện quyền uy trong hoạt động của mình, người tiến hành tố tụng thường tìm mọi cách để người được TGPL từ chối quyền được TGPL thông qua việc đồng ý viết và ký vào các văn bản từ chối. Về mặt hình thức thì phù hợp với quy định của pháp luật, nhưng về thực chất thì đối tượng được TGPL đã không được bảo đảm về quyền trong hoạt động tố tụng, nhất là trong hoạt động tranh tụng. Kết quả hoạt động phối hợp trợ giúp pháp lý chưa đi vào bản chất và chưa đạt hiệu quả mong muốn.

Bốn là: Văn bản pháp luật về TGPL còn đang trong quá trình hoàn thiện. Theo quy định về TGPL theo Luật TGPL năm 2017 thì thông tư hướng dẫn một số nghiệp vụ còn chưa cụ thể.

2.3.3. Nguyên nhân

Thứ nhất, Nhận thức của người dân về vai trò của pháp luật và TGPL còn hạn chế. Khi vướng mắc pháp luật, họ thường tìm đến các nguồn trợ giúp truyền thống như: nhờ người thân, nhờ chính quyền hoặc tổ chức đoàn thể khác. Có thể, vì trong hoạt động TGPL đã chưa tạo ra được nền tảng vững chắc đó là lòng tin của người dân vào dịch vụ này. Hơn nữa, nhiều người vẫn có sự hồ nghi về dịch vụ miễn phí thì liệu chất lượng có tương đương hay không? Đây là tâm lý chung của những người ít có hiểu biết hoặc liên quan đến pháp luật. Do vậy, nâng cao nhận thức của người dân về pháp luật, quyền và nghĩa vụ của họ, cũng chính là góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, Một số cán bộ, chính quyền địa phương, công chức nhà nước còn chưa nhận thức được đầy đủ vị trí, vai trò, ý nghĩa của hoạt động TGPL nên chưa quan tâm, chỉ đạo, thực hiện để tổ chức thi hành các quy định của Luật TGPL. Việc tham mưu cho các cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh chính sách về TGPL cho phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan quản lý nhà nước về TGPL còn chậm, chưa chủ động, kịp thời. Không coi TGPL là một chính sách để thực hiện chức năng xã hội của nhà nước, chỉ coi đó là việc của tổ chức TGPL hoặc của người thực hiện TGPL.

Thứ ba, người thực hiện TGPL còn có nhiều hạn chế trong việc nhận thức tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác TGPL. Do đó, các nguồn lực thực hiện hoạt động TGPL vẫn chủ yếu là nhà nước. Vì chưa có nhận thức sâu sắc về bảo vệ công lý, công bằng, trách nhiệm với nhà nước, xã hội chưa đầy đủ nên chưa tích cực thực hiện TGPL. Các Trợ giúp viên pháp lý thì chưa có nhiều kỹ năng khi tham gia tố tụng, vì chế định tập sự trợ giúp pháp lý mới có

hiệu lực. Do vậy, sự cọ sát với môi trường tranh tụng trong hoạt động xét xử là rất hạn chế. Từ đó, chất lượng tham gia tố tụng của Trợ giúp viên là chưa đồng đều, chưa đạt chất lượng cao như mong muốn.

Kết luận chương 2

Về thực trạng hoạt động TGPL tại thành phố Hà Nội, tác giả luận văn đã nêu và phân tích những hoạt động chính và cụ thể, thể hiện ở tổ chức bộ máy, các chức danh theo biên chế của tổ chức của Trung tâm; các hình thức TGPL, các hoạt động TGPL khác và nêu lên kết quả thực hiện TGPL trong 10 năm (2008 -2018) cũng như so sánh, đối chiếu kết quả hoạt động TGPL năm 2017 so với năm 2016. Từ đó, cho thấy những thuận lợi, nêu lên những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó. Từ đó, việc đánh giá, nghiên cứu các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động TGPL trong thời gian tới.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Phương hướng đảm bảo hiệu quả hoạt động Trợ giúp pháp lý tại thành phố Hà Nội

Mục tiêu của nhà nước ta về chính sách TGPL là “góp phần đảm bảo quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật” [32]. Đây là định hướng đúng đắn để xây dựng và phát triển đất nước. Để đạt được mục tiêu này, cần phải xây dựng hệ thống pháp luật hoàn thiện, đồng bộ. Các chính sách mang tính tiêu chuẩn và xuyên suốt được thể hiện trong hệ thống quy phạm pháp luật. Như vậy, để đảm bảo những mục tiêu của Nhà nước trong hoạt động TGPL tại thành phố Hà Nội cần đảm bảo có những phương hướng sau đây:

Thứ nhất, nghiên cứu và hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật về TGPL, đặc biệt là những chính sách mở về hoạt động TGPL để huy động được những nguồn lực thực sự, hiệu quả và mang tính xã hội hóa cao.

TGPL nói từ khía cạnh Nhà nước thì đó là chính sách, ở khía cạnh xã hội thì đó chính là một hoạt động mang tính “*thiện nguyện*”. Pháp luật mang tính tự nhiên. Do đó, nếu phát huy được tính chủ động, tích cực của các nguồn lực xã hội vào hoạt động TGPL, thì phải đổi mới không ngừng và nâng cao chất lượng của đội ngũ người thực hiện TGPL để chính sách TGPL tạo được niềm tin của người được TGPL và là kênh thu hút các nguồn lực xã hội khác nhằm nâng cao nhận thức cho người dân nói chung và người được TGPL nói riêng.

Cụm từ “xã hội hóa” được trù lên rất nhiều chính sách pháp luật của Nhà nước. Đó cũng là một xu thế tất yếu của chính sách TGPL. “TGPL là trách nhiệm của Nhà nước” (Điều 4 Luật TGPL 2017). Do đó, hệ thống các quy phạm pháp luật được Nhà nước ban hành sẽ đề cao vai trò của các nguồn

lực tham gia vào hoạt động TGPL. Đó không chỉ là nguồn động lực cho những người có khả năng, có tiềm lực tài chính đóng góp cho xã hội, mà hơn nữa đó còn là sự “trả nghĩa” của những thế hệ sau đối với những người có công với đất nước.

Ở góc độ của người thực hiện TGPL, tác giả mong muốn cơ chế pháp lý sẽ tạo ra sự thu hút, động lực cho những người có tâm, có tầm tham gia vào công tác TGPL. Coi đó là một hoạt động thường xuyên chứ không đơn thuần là nghĩa vụ đối với nghề nghiệp của mình.

Thứ hai, nâng cao nhận thức của người dân về ứng xử và sử dụng pháp luật trong quan hệ đời sống, xã hội.

Luôn đổi mới phương thức, cách thức truyền thông, tuyên truyền pháp luật; nâng cao chất lượng các hình thức TGPL cho người dân nói chung và người được TGPL nói riêng, để từ đó người dân thấu hiểu những chính sách của Nhà nước ta trong từng thời kỳ. Hơn nữa, người Việt Nam đa số vẫn chọn ứng xử theo thói quen, theo lề thói, tập tục, lệ làng mà thường bỏ qua việc tìm hiểu các quy định của pháp luật. Chỉ khi xảy ra vướng mắc, khó khăn trong quan hệ xã hội thì lúc đó mới tìm hiểu và thường những hành vi xảy ra đã có những hậu quả không nhỏ.

Trên thực tế, Luật TGPL năm 2017 mới có hiệu lực, đã góp phần quan trọng đánh dấu một bước ngoặt trong chính sách của Nhà nước về hoạt động TGPL. Để triển khai đồng bộ và có hiệu quả chính sách này cũng sẽ góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong các quan hệ xã hội, quan hệ pháp luật. Do đó, một mặt phải tuyên truyền những nội dung của Luật đến người dân, đối tượng được TGPL để họ biết quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; mặt khác, cần nâng cao nhận thức của các cơ quan phối hợp trong hoạt động TGPL như: tuyên truyền Luật TGPL và các văn bản hướng dẫn thi hành, cung cấp tờ rơi, tờ gấp, bảng thông tin trợ giúp pháp lý đến trụ sở các cơ quan phối hợp, nhà tạm giữ, trại tạm giam và đặc biệt là hoạt động khảo sát nhu cầu

TGPL đối với từng nhóm người thuộc diện được TGPL. Các hoạt động cần đi vào thực chất, hiệu quả và có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của các cơ quan có thẩm quyền.

Hơn thế nữa, xây dựng nhà nước pháp quyền là mục tiêu phát triển đất nước bền vững. Dùng pháp luật để quản lý xã hội, điều đó đồng nghĩa với nhiệm vụ của Nhà nước là nâng cao hiểu biết và tiếp cận pháp luật của người dân. Ngày 08/5/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 619/QĐ-TTg ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn tiếp cận pháp luật. Về mục tiêu của chính sách này rất cụ thể tại Điều 2, đó là “1. *Nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền được thông tin về pháp luật; kịp thời tháo gỡ mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị trong thi hành pháp luật trên địa bàn cấp xã.*2. *Tổ chức và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành Hiến pháp, pháp luật, quản lý nhà nước và xã hội bằng pháp luật; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã trong thực thi công vụ.*3. *Cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân*”. Mục đích này đảm bảo đưa pháp luật vào cuộc sống. Người dân chính là đối tượng được quan tâm hàng đầu cho mọi chính sách pháp luật của nhà nước. Hiệu quả của công tác quản lý cũng thể hiện được tính minh bạch, công khai, tuân thủ đầy đủ các quy định của công dân.

Hệ thống văn bản pháp luật quy định rõ ràng, cụ thể, thể hiện được tính xuyên suốt trong quan điểm của nhà nước về các chính sách cho người dân trong từng thời kỳ. Do vậy, các hoạt động lồng ghép tiếp cận pháp luật về TGPL cũng cần được minh bạch, để quyền tiếp cận với người thực hiện TGPL, tổ chức thực hiện TGPL và pháp luật được đảm bảo tốt hơn.

Thông qua các hoạt động TGPL, người dân nói chung cũng nắm bắt được hệ thống pháp luật của Nhà nước điều chỉnh trực tiếp đến các quan hệ xã hội phát sinh hàng ngày. Với những quy định của Luật TGPL và hệ thống pháp luật mới được ban hành sau khi có Hiến pháp năm 2013, hy vọng sẽ tạo nên những dấu ấn mạnh mẽ của Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba: Phương hướng thực hiện Luật TGPL năm 2017

Ngày 01/01/2018, Luật TGPL năm 2017 có hiệu lực. Theo như phân tích ở trên thì về cơ bản diện đối tượng TGPL là mở rộng hơn so với Luật TGPL năm 2006 nhưng trên thực tế, tại thành phố Hà Nội thì đối tượng lại bị thu hẹp hơn đó là: đối tượng người khuyết tật, người dưới 18 tuổi. Do những thay đổi về diện đối tượng được TGPL do đó, cần triển khai thực hiện tốt những hoạt động sau:

Ban hành Kế hoạch thực hiện Luật TGPL trên địa bàn thành phố. Nhấn mạnh những mục đích về công việc, thời gian, tiến độ, kết quả của các cơ quan có liên quan trong triển khai và thực hiện Luật TGPL;

Tuyên truyền luật TGPL năm 2017 trên các phương tiện thông tin truyền thông, báo, Đài phát thanh và truyền hình; Treo bảng thông tin tại các cơ quan, tổ chức, địa phương và một số nơi người dân sinh hoạt tập trung như: Nhà văn hóa, UBND các cấp, trụ sở tiếp công dân ...; Niêm yết tờ thông tin về TGPL tại nhà tạm giữ, buồng tạm giam; phát tờ gấp pháp luật về TGPL cho người dân...;

Tăng cường tổ chức các cuộc TGPL về cơ sở nhằm tăng tính tiếp cận cho người dân về pháp luật; Tích cực thu thập thông tin và phối hợp với các cơ quan, cá nhân khi có yêu cầu về TGPL;

Tăng cường trực tiếp dân tại trụ sở để đảm bảo 100% yêu cầu được TGPL. Giúp người dân có thêm niềm tin vào tổ chức thực hiện TGPL tại địa phương;

Nâng cao chất lượng của người thực hiện TGPL thông qua việc tập huấn các kiến thức mới về pháp luật và kỹ năng thực hiện các hoạt động TGPL;

Thường xuyên tiếp nhận và giải quyết những kiến nghị trong việc thực hiện Luật TGPL để đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của Luật.

3.2. Giải pháp đảm bảo hiệu quả hoạt động Trợ giúp pháp lý tại thành phố Hà Nội

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật

Luật TGPL năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, cùng với đó là các văn bản hướng dẫn thi hành như Nghị định 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật TGPL, thông tư 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật TGPL và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động TGPL. Cho đến hết tháng 02/2018 một số nội dung pháp luật về TGPL theo quy định của Luật TGPL năm 2017 vẫn chưa được ban hành như: Thông tư liên ngành hướng dẫn áp dụng một số quy định về TGPL trong hoạt động tố tụng; Thông tư hướng dẫn các hoạt động nghiệp vụ về TGPL ... nên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến một số hoạt động của TGPL. Do đó, việc ban hành chính sách pháp luật cần đồng bộ, nhất quán hơn nữa thì việc thực hiện các nội dung của chính sách mới đạt hiệu quả cao. Tránh tình trạng, có chính sách nhưng “đợi” hướng dẫn thi hành thì việc ban hành chính sách mất đi ý nghĩa vốn có của nó. Hơn nữa, khi thực hiện các chính sách của nhà nước, cần đánh giá tính khả thi, tính ứng dụng của từng quy định vào thực tiễn để mỗi chính sách ban hành, từ người thực hiện, người áp dụng và nhất là người dân sẽ đặt niềm tin hơn vào Nhà nước.

Tại thành phố Hà Nội, để triển khai hiệu quả chính sách TGPL thì trong hoạt động ban hành các chính sách cần tạo được tính nhạy bén, độ sắc, những nét đặc thù nhất định của từng quy định nhất là trong hoạt động TGPL. Bởi vì, các đối tượng tác động của hoạt động TGPL là người có công với đất nước, người yếu thế trong xã hội, trẻ em, người khuyết tật ... trên địa bàn

thành phố Hà Nội là nhóm có vương mắc pháp luật thường phức tạp, thời gian kéo dài, gắn với lịch sử; vụ việc phức tạp, nhất là các tranh chấp về Dân sự, Hành chính... thì cần có những đối sách cụ thể về: Chính sách, nguồn lực về cơ sở vật chất, nhân sự, tài chính ...

Trong hệ thống chính sách TGPL tại Hà Nội những năm vừa qua đã được quan tâm đúng mức và có những hiệu quả đáng khích lệ, như: Biên chế, trụ sở làm việc, kinh phí hoạt động. Song, trên phương diện là người thực hiện TGPL thì tác giả luận văn cho rằng kết quả của hoạt động TGPL còn chưa tương xứng so với nguồn lực đã có. Do các quy định về TGPL còn có nhiều lỏng lẻo nên tính độc lập của hoạt động này còn phụ thuộc vào sự phối hợp của nhiều cơ quan liên quan như: Kinh phí đảm bảo từ ngân sách nên phụ thuộc cơ quan tài chính, theo cơ chế xin - cho; Quyền giải thích về TGPL thuộc về người tiến hành tố tụng nên phụ thuộc cơ quan, người tiến hành tố tụng, như tại Khoản 1, Điều 9 thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng thì *“khi tiến hành hoạt động tố tụng, người tiến hành tố tụng có trách nhiệm: a) Giải thích cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và các đương sự biết về quyền và nghĩa vụ của họ theo pháp luật tố tụng; **quyền được trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ tiếp cận các thông tin về trợ giúp pháp lý.** Việc giải thích phải được ghi trong biên bản tố tụng để lưu tại hồ sơ vụ án. Khi họ có yêu cầu trợ giúp pháp lý thì cung cấp cho họ mẫu đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ viết đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý, địa chỉ liên lạc của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ hoặc người thân thích, người đại diện hợp pháp của họ về thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý. Trường hợp người bị tạm giam, tạm giữ không đồng ý người thực hiện trợ giúp pháp lý do tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử thì họ có quyền lựa chọn và đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý. Trường hợp những người này không có yêu*

*cầu trợ giúp pháp lý thì người tiến hành tố tụng cũng ghi rõ trong biên bản;*b) *Đối với trường hợp người bị bắt theo quyết định truy nã bị tạm giữ thuộc diện người được trợ giúp pháp lý thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên của Cơ quan điều tra có thẩm quyền nơi bắt hoặc tiếp nhận người bị bắt có trách nhiệm thông báo và hướng dẫn người bị bắt hoặc người thân thích, người đại diện của họ liên hệ với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc địa bàn cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án để làm thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý”. Quy định này trên thực tế, nếu người tiến hành tố tụng không thực hiện nghĩa vụ giải thích hoặc hướng dẫn các thủ tục cho người được TGPL biết thì việc người thực hiện hoặc tổ chức thực hiện TGPL sẽ rất khó tiếp xúc đối tượng để thực hiện việc TGPL cho họ. Hoặc, nếu người tiến hành tố tụng có giải thích, nhưng giải thích không đúng chính sách TGPL khiến cho người được TGPL hiểu sai dẫn đến việc họ từ chối quyền được TGPL hoặc họ bắt buộc phải từ chối theo “ý” của người tiến hành tố tụng.*

3.2.2. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất của tổ chức Trợ giúp pháp lý

Tổ chức và người thực hiện TGPL là một yếu tố tiên quyết trong hoạt động TGPL. Yếu tố này mang tính quyết định trong hiệu quả của chính sách TGPL. Vì vậy, trong giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của TGPL chính là hoàn thiện cơ cấu, tổ chức và cơ sở vật chất làm việc. Tác giả xin nêu ra một số giải pháp từ hoạt động thực tế tại Hà Nội:

Một là, Trung tâm TGPL tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, biên chế phù hợp với vị trí việc làm của yêu cầu công tác, phù hợp với nhu cầu TGPL, trụ sở làm việc của tổ chức TGPL phải dễ tiếp cận, đảm bảo quyền của người được TGPL.

Trên thực tế, Trung tâm TGPL nhà nước thành phố Hà Nội đã thành lập 3 phòng nghiệp vụ, 01 phòng Hành chính tổng hợp và 11 chi nhánh. Tổng số người đang làm việc tại Trung tâm tính đến tháng 2/2018 là 79 người. Ngoài

41 Trợ giúp viên pháp lý, 26 chuyên viên pháp lý và tương đương, các ngạch cán sự và tương đương là 5 người và 7 người là các ngạch nhân viên khác. Đây là một thực tế gây ra rất nhiều áp lực trong việc tinh gọn bộ máy hoạt động tại Trung tâm của Hà Nội. Bên cạnh đó, việc một số chi nhánh được thành lập không căn cứ vào nhu cầu TGPL thực tế của người dân (như: Chi nhánh số 8 có trụ sở tại quận Hà Đông – cùng với trụ sở của Trung tâm), làm cho bộ máy thực hiện TGPL của nhà nước hoạt động chòng chẹo, gây không ít khó khăn trong công tác quản lý, điều hành hoạt động. Một số chi nhánh phải thuê mượn địa điểm thì gây khó khăn trong việc tiếp cận tổ chức và người thực hiện TGPL như Chi nhánh số 5 (trụ sở - thuê đặt tại Đông Anh), Chi nhánh số 2 và số 11 (trụ sở - mượn) nhưng đặt ở tầng 2, hoặc Chi nhánh số 3 (trụ sở - trong UBND quận Hoàng Mai), không có sự độc lập tương đối nên đối tượng được TGPL rất khó tiếp cận, trong khi đó người được TGPL ngoài người nghèo, trẻ em và một số đối tượng khác thì số đông là người khuyết tật (vận động, khiếm thị...), thương binh, bệnh binh ... đi lại rất khó khăn, không đảm bảo sự tiếp cận về trụ sở. Do đó, hoạt động chưa đạt hiệu quả cao. Đây là những địa điểm tiếp đối tượng TGPL không phù hợp. Vì bản chất, các đối tượng được TGPL thường là người có khó khăn về tài chính hoặc thể chất, tinh thần. Việc các trụ sở không thuận tiện cho việc tiếp cận (tầng cao, không có đường lên cho xe lăn) gây nên tình trạng khó có thể đưa TGPL đến gần dân, không thể quảng giao về các hoạt động TGPL cho người dân biết, từ đó, bỏ lọt, sót đối tượng được TGPL, điều đó đồng nghĩa với việc không đảm bảo được quyền được TGPL của các đối tượng theo luật định.

Từ thực tế trên cho thấy, việc tinh gọn lại bộ máy hoạt động như: Rà soát tính hiệu quả của các Chi nhánh, tính phù hợp của trụ sở làm việc và đặc biệt là nhu cầu TGPL của đối tượng TGPL trên từng địa bàn để sắp xếp lại các chi

nhánh hoạt động cho hiệu quả, vừa phù hợp với thực tế vừa góp phần đáng kể vào giảm bớt các chi phí hành chính.

Hai là, đội ngũ người thực hiện TGPL theo hướng tinh gọn, hiệu quả và chất lượng.

Theo đó, cần có chính sách ưu đãi nghề phù hợp để thu hút nguồn nhân lực, bổ sung đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý, đồng thời, chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý. Do đó, để đảm bảo hoạt động hiệu quả thì chính sách dành cho người thực hiện TGPL cần ưu đãi hơn, để họ có thêm động lực và trách nhiệm để thực hiện nhiệm vụ hoặc trách nhiệm một cách hiệu quả, mang lại niềm tin cho những người khó khăn, yếu thế được hưởng chính sách TGPL như: Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý, đổi mới cách thức trong việc chi trả thù lao vụ việc TGPL cho phù hợp với tình hình thực tế.

Chính sách cộng tác viên TGPL cần thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Một mặt huy động được nguồn lực thực hiện TGPL từ xã hội, mặt khác, tận dụng được nguồn chất xám, sự nhiệt tình, kinh nghiệm và am hiểu trong công tác xã hội của đội ngũ những người làm công tác pháp luật đã nghỉ hưu. Tạo động lực cho đối tượng này tham gia hoạt động TGPL tự nguyện, nhiệt huyết.

Ba là, địa điểm tiếp người được TGPL phải đảm bảo tính dễ tiếp cận như: dễ tìm (địa chỉ rõ ràng), giao thông thuận lợi (gần đường), dễ di chuyển (có đường dẫn cho người khuyết tật), mang tính độc lập (có phòng tiếp riêng). Có nhiều địa điểm làm việc của Chi nhánh thuộc Trung tâm Hà Nội còn quá nhỏ hẹp (chi nhánh số 6) thì điều kiện tiếp công dân riêng một phòng, đảm bảo tính bí mật, tôn trọng sự riêng tư là khó khăn. Như vậy người dân sẽ rất e ngại khi trình bày những vấn đề tế nhị thuộc về nhân thân của họ. Đây cũng là một rào cản cho quá trình thực hiện TGPL và nâng cao chất lượng, hiệu quả của vụ việc.

3.2.3. Hoàn thiện các hình thức Trợ giúp pháp lý

Hiện nay, theo Luật TGPL năm 2017 có 3 hình thức TGPL đó là: Tham gia tố tụng; Tư vấn pháp luật và địa diện ngoài tố tụng. Các hình thức này là nhỏ hẹp hơn so với Luật TGPL năm 2006, vì ngoài 03 hình thức trên thì còn thêm các hình thức: hòa giải, thực hiện các công việc liên quan đến thủ tục hành chính, khiếu nại và kiến nghị... Như vậy, đặt ra câu hỏi: người thực hiện TGPL có từ chối TGPL khi gặp các vụ việc với các hình thức được quy định theo Luật TGPL năm 2006 hay không? Theo tác giả là không hạn chế. Vì, trong hình thức tư vấn pháp luật, bản thân người thực hiện TGPL có trách nhiệm và trình độ chuyên môn sâu thì có thể hướng dẫn người được TGPL thực hiện đầy đủ những cách thức để thực hiện các quy định của pháp luật. Hơn nữa, nếu có những điều kiện khó khăn thì có thể áp dụng hình thức đại diện ngoài tố tụng để thực hiện triệt để các yêu cầu của người được TGPL. Như vậy, mới có thể đảm bảo 100% yêu cầu TGPL của người dân được thực hiện trên thực tế. Vấn đề đặt ra khi thực hiện Luật TGPL đó là đổi mới về cách thức và phương thức thực hiện:

Trong hoạt động tố tụng: Tác giả xin đưa ra một số giải pháp đối với từng khía cạnh của hình thức này, như sau:

Đối với tổ chức thực hiện TGPL cần có hoạt động mang tính nguyên tắc, đã là đối tượng được TGPL thì phải được biết về quyền được TGPL, tránh trường hợp không giải thích hoặc không hướng dẫn hoặc đánh tráo khái niệm dẫn đến người được TGPL lo sợ, e ngại khi nhắc đến TGPL. Vậy, hồ sơ tố tụng cần đảm bảo việc giải thích rõ và cụ thể về quyền được TGPL được lập thành bằng văn bản hoặc trong hoạt động tố tụng, quyền giải thích về TGPL thuộc về tổ chức thực hiện và người thực hiện TGPL. Quy định này mang tính khách quan hơn, tránh được việc bỏ sót, bỏ lọt đối tượng thuộc diện được TGPL.

Hơn nữa, trong hoạt động tố tụng, người thực hiện vụ việc cần có khả năng chuyên môn sâu. Đó là, việc cử người thực hiện TGPL phải đảm bảo nguyên tắc: Chuyên môn, kinh nghiệm và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ vụ việc. Vì hiện nay, các trợ giúp viên phải thụ lý vụ việc ở mọi lĩnh vực TGPL (trừ lĩnh vực kinh doanh thương mại). Do đó, về mặt nào đó thì kiến thức chuyên môn và thực tế công việc là chưa đảm bảo. Vì mỗi cá nhân hoặc tổ chức có một thế mạnh riêng. Nếu được đầu tư vào một lĩnh vực chuyên sâu thì khả năng chuyên môn sẽ được hoàn thiện. Hơn nữa, các chức danh tố tụng hiện nay cũng đang mang tính chuyên trách như: Thẩm phán Hình sự, Dân sự, Hành chính.... Như vậy, đặt ra một định hướng cần thực hiện trong thời gian tới đó là: người thực hiện trợ giúp pháp lý chuyên trách - ở từng lĩnh vực cụ thể (Hình sự, Dân sự, Hành chính, Lao động, Hôn nhân và gia đình, chính sách xã hội) hoặc cho từng đối tượng cụ thể cần đến yếu tố tâm lý khi tiếp xúc đó là trẻ em, phụ nữ bị bạo hành, người khuyết tật.... Có như vậy, tính chuyên sâu mới có thể ngang bằng với người tiến hành tố tụng khác như: Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán.

Tư vấn pháp luật: Đây là một hình thức hoạt động có số lượng vụ việc chủ yếu trong hơn 20 năm qua. Bởi vì, theo Luật TGPL năm 2006 thì ngoài việc tư vấn tại trụ sở làm việc của tổ chức TGPL thì Trung tâm còn tổ chức các đợt TGPL lưu động về cơ sở. Đây có thể nói là một cách thức để tổ chức, triển khai các hình thức tư vấn pháp luật về cơ sở. Thực trạng trong những năm qua, nhiều buổi TGPL lưu động đã bị biến tướng chuyển thành hình thức phổ biến, tuyên truyền pháp luật. Đây không phải là chức năng chính, chủ yếu của TGPL. Do đó, theo quy định của Luật TGPL năm 2017 thì “*Tổ chức thực hiện TGPL bố trí nơi tiếp người được TGPL tại trụ sở của tổ chức thực hiện TGPL hoặc tại địa điểm khác ngoài trụ sở của tổ chức bảo đảm điều kiện việc trình bày yêu cầu được dễ dàng, thuận lợi*”. Như vậy, có thể tiếp đối tượng tại trụ sở hoặc địa điểm khác ngoài trụ sở. Quy định này, về mặt cơ bản sẽ đảm

bảo được điều kiện tiếp cận dễ dàng của đối tượng được TGPL, vậy nên, về cách thức tổ chức tư vấn ngoài trụ sở cần đổi mới và chỉ tập trung vào đối tượng được TGPL. Điều này sẽ một mặt đảm bảo quyền tiếp cận tổ chức và người thực hiện TGPL, mặt khác, giúp người được TGPL tiệm cận với quyền được TGPL của mình trong tương lai nếu họ có vụ việc liên quan đến pháp luật. Đây chính là một trong những hình thức để người dân hiểu sâu sắc hơn chính sách TGPL của nhà nước và giải quyết những vướng mắc pháp luật, nhằm tránh phát sinh những vụ việc phức tạp chỉ do thiếu hiểu biết và có cách ứng xử không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Như vậy, dựa vào các hoạt động như: truyền thông, tuyên truyền về hoạt động TGPL, các nhu cầu của người được TGPL thì tổ chức thực hiện TGPL cần đổi mới phương pháp và cách thức để tiếp cận với người có nhu cầu tư vấn pháp luật ở vùng sâu, vùng xa trung tâm hoặc nhóm người có khó khăn khi tham gia giao thông. Nghĩa là, tạo sự chủ động tiếp cận cho đối tượng TGPL dựa trên sự đáp ứng nhu cầu của tổ chức và người thực hiện TGPL.

3.2.4. Tăng cường công tác đánh giá, quản lý chất lượng đối với hoạt động Trợ giúp pháp lý

Hiện nay, công tác đánh giá chất lượng hoạt động TGPL có thể được thông qua việc đánh giá chất lượng vụ việc TGPL theo Thông tư số 02/2013/TT-BTP ngày 05/01/2013 ban hành Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý. Theo nội dung của Thông tư thì việc đánh giá chất lượng dựa trên các tiêu chí từ quy trình, thủ tục, tâm lý đến kết quả. Về bản chất, tác giả luận văn cho rằng, hoạt động đánh giá này chưa thực chất và đạt được hiệu quả như mong muốn. Do vậy, để nâng cao chất lượng và quản lý chất lượng đối với hoạt động TGPL thì cần đổi mới phương pháp đánh giá, quản lý chất lượng theo một số nội dung sau:

Thứ nhất, khi quyết định phân công vụ việc thì sẽ phân công người theo dõi hoặc thành lập tổ theo dõi, đánh giá chất lượng vụ việc đó ngay từ đầu.

Nghĩa là, trong bất kỳ giai đoạn nào của vụ việc, người đánh giá chất lượng vụ việc cũng có thể theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện vụ việc của người được phân công. Song, đánh giá vẫn phải đảm bảo nguyên tắc bí mật và những nguyên tắc của hoạt động TGPL;

Thứ hai, khi đánh giá cần đưa ra tiêu chí khách quan, toàn diện cho từng vụ việc. Riêng đối với vụ việc tư vấn ngoài trụ sở thì chất lượng của vụ việc đó có thể đánh giá bằng kết quả của sau tư vấn TGPL. Điều này, một mặt kiểm soát được đối tượng, hiệu quả của vụ việc TGPL và mặt khác còn nâng cao ý thức, trách nhiệm của người thực hiện TGPL trong vụ việc tư vấn (vụ việc tư vấn thường bị coi nhẹ hơn so với vụ việc tố tụng, nhưng nếu vụ việc tư vấn tốt, đem lại hiệu quả và đưa ra cách xử lý, hướng dẫn cụ thể thì mang lại rất nhiều kết quả tốt đẹp cho người TGPL, tránh khiếu kiện kéo dài hoặc tham gia tranh tụng mất thời gian, công sức, tiền bạc và tình cảm). Hơn nữa, Luật TGPL năm 2017 có quy định hình thức tư vấn phải được lập thành văn bản *“Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thụ lý vụ việc hoặc nhận đủ các giấy tờ, tài liệu cần bổ sung, người thực hiện TGPL có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời bằng văn bản cho người được TGPL; đối với vụ việc phức tạp hoặc cần có thời gian để xác minh thì có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người được TGPL”* (Khoản 2, Điều 32). Quy định này, nêu rõ tính trách nhiệm trong nội dung, thời gian để tư vấn cho người được TGPL, đảm bảo hiệu quả của vụ việc tư vấn.

3.2.5. Thực hiện số hóa trong quản lý hoạt động Trợ giúp pháp lý

Hoạt động TGPL có thể nói bao gồm tất cả các mặt từ cơ chế chính sách, tổ chức bộ máy hoạt động, đến hình thức tổ chức của hoạt động, nguồn nhân lực, vật lực (kinh phí, trụ sở) của hoạt động. Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, thì việc không ứng dụng hiệu quả kỹ thuật số mạnh mẽ có thể không đẩy mạnh được hiệu quả hoạt động và tụt hậu là không tránh khỏi. Về cơ bản không những không quản lý được chất lượng vụ việc, mà còn

ảnh hưởng bởi tác phong hành chính thủ công. Để đảm bảo hiệu quả về mọi mặt của hoạt động TGPL thì việc thực hiện số hóa trong quản lý, thực hiện và điều hành là một yêu cầu cấp thiết.

Về cơ bản, hiện nay hoạt động TGPL đang được số hóa trong quản lý hồ sơ vụ việc về tố tụng theo quy định của Cục TGPL- Bộ Tư pháp. Việc cập nhật các hồ sơ TGPL trong tố tụng trên toàn quốc được thực hiện đồng bộ.

Tại Hà Nội, hàng tháng viên chức được giao nhiệm vụ có trách nhiệm cập nhật hồ sơ và số liệu của vụ việc tố tụng để đưa lên hệ thống của Cục TGPL. Do đó, về khía cạnh nào đó thì hồ sơ cũng được quản lý một cách hiệu quả hơn. Tác giả của luận văn đề cập đến giải pháp để thực hiện số hóa hoạt động ở một số khía cạnh sau:

Một, công tác quản lý Hành chính: Xử lý điều hành trực tiếp trên hệ thống công nghệ thông tin dữ liệu Internet. Điều này vừa đáp ứng kịp thời sự đa dạng của nhu cầu TGPL mà còn đáp ứng kịp thời của sự hội nhập, quốc tế hóa.

Hai, quản lý hồ sơ vụ việc: Mỗi người thực hiện TGPL có một mã số cập nhật dữ liệu. Khi thực hiện vụ việc TGPL, mỗi cá nhân có thể tự cập nhật dữ liệu vụ việc theo tiến độ thời gian đang thực hiện lên hệ thống. Như vậy, việc theo dõi vụ việc có thể được đảm bảo cả từ chiều trực tiếp và gián tiếp. Nghĩa là, khi hệ thống cập nhật sẽ có chức năng thông báo vụ việc đã hoàn thành hay đang thực hiện (về kết quả của hoạt động). Như vậy, dựa vào các chức năng đó, có thể sẽ không còn phải báo cáo các cấp quản lý về nội dung, chất lượng, số lượng vụ việc TGPL. Như vậy, số biên chế trong hoạt động này chủ yếu thực hiện hoạt động nghiệp vụ để đảm bảo chất lượng vụ việc TGPL ngày càng cao, đáp ứng với yêu cầu của thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0.

Giải pháp đảm bảo thực hiện đó là: Đầu tư kinh phí để xây dựng cơ sở phần mềm quản lý dữ liệu trong hoạt động TGPL của nhà nước. Cơ sở dữ liệu được xây dựng đồng bộ tại địa phương, rồi nhân rộng hệ thống toàn quốc. Bên cạnh đó, có kế hoạch cụ thể về chiến lược đào tạo nguồn nhân lực đủ

manh, chuyên nghiệp để tiếp nhận, cập nhật kiến thức về chuyên môn và công nghệ. Yêu cầu về nguồn nhân lực ngày càng cao để phù hợp với vị trí, chức năng và nhiệm vụ trong tình hình mới.

Kết luận chương 3

Bản chất của hoạt động TGPL là hướng tới đối tượng được TGPL. Từ cơ sở lý luận và thực trạng hoạt động trợ giúp pháp lý tại Hà Nội, tác giả đưa ra một số phương hướng và giải pháp nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động TGPL, đó là: hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao nhận thức của người dân trong tiếp cận pháp luật, tạo sự chủ động cho người được TGPL thông qua một số hoạt động có tính chiến lược của tổ chức thực hiện TGPL. Từ đó, đưa ra các giải pháp đảm bảo hiệu quả hoạt động TGPL tại Hà Nội như: hoàn thiện cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất; Cách thức thực hiện một số hình thức TGPL; Công tác đánh giá, quản lý chất lượng và thực hiện số hóa theo yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Những vấn đề luận văn đưa ra trên cơ sở hoạt động thực tế và nghiên cứu của cá nhân về hoạt động TGPL.

KẾT LUẬN

Hoạt động trợ giúp pháp lý trong hơn 20 năm qua đã đi đúng hướng, đặc biệt hướng về cơ sở, ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng nông thôn; đã giải tỏa những vướng mắc pháp luật của người dân ngay tại các xã, thôn, làng, xóm ... tại cư trú và sinh sống của người được TGPL. Hoạt động TGPL đã và đang ngày càng gắn bó với đời sống xã hội, được nhiều cơ quan, tổ chức và đông đảo nhân dân đồng tình ủng hộ. Dần tạo niềm tin của người dân vào chính sách TGPL của Nhà nước. Coi đây là một trong những chính sách ưu việt của Nhà nước ta. Chính sách TGPL khẳng định là chủ trương đúng đắn, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, là một phương tiện hữu hiệu đưa pháp luật vào cuộc sống, giúp người nghèo và các đối tượng chính sách được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, đồng thời nâng cao nhận thức và kỹ năng áp dụng pháp luật vào cuộc sống.

Từ các nội dung đã trình bày ở ba chương, tác giả xin đưa ra một số kết luận, đó là :

Hoạt động TGPL cần phải đảm bảo tính đồng bộ, hoàn thiện của hệ thống pháp luật. Bảo đảm thực hiện mục tiêu trong từng giai đoạn cụ thể và luôn phải đáp ứng được nhu cầu TGPL của diện người được TGPL. Đây là một yêu cầu có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Thực tiễn hoạt động TGPL tại thành phố Hà Nội trong thời gian qua cho thấy, hoạt động TGPL đã mang lại những kết quả, hiệu quả tạo nên sức mạnh và sự đồng thuận trong nhân dân. Từ đó, nêu lên những hạn chế, nguyên nhân trong quá trình hoạt động TGPL tại Thủ đô. Hoạt động TGPL đã giúp cho chính quyền hiểu dân, tạo diễn đàn đối thoại dân chủ giữa người dân với chính quyền, góp phần giảm thiểu khiếu nại, tố cáo, khắc phục, điều chỉnh kịp thời những bất cập của hoạt động công vụ, giữ gìn đoàn kết cộng

đồng, ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm an ninh – quốc phòng, thúc đẩy kinh tế pháp triển.

Đến nay, Luật TGPL năm 2017 đã thể chế hóa chủ trương, chính sách của nhà nước trong hoạt động TGPL. Tuy nhiên, tại mỗi địa phương tùy vào điều kiện hoàn cảnh, vị trí địa lý, dân cư khác nhau mà tình hình thực hiện có sự khác nhau. Hà Nội – Thủ đô của cả nước, với tầm vóc và vị trí chiến lược của cả nước thì nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội cũng mang tầm vóc chiến lược. Xác định được vai trò đó, UBND thành phố đã quan tâm chỉ đạo thực hiện đầy đủ các chính sách pháp luật về TGPL. Song, về thực tế, ở phương diện của người thực hiện TGPL, tác giả luận văn cũng nhìn nhận những ưu và khuyết của hoạt động TGPL như thế nào, từ đó cũng đưa ra những giải pháp, đề xuất để đảm bảo hiệu quả hoạt động của TGPL tại thành phố Hà Nội.

Luận văn đã được hoàn thành với sự giúp đỡ của các nhà khoa học của Học viện Khoa học xã hội, đặc biệt dưới sự hướng dẫn của TS. Hoàng Thị Ngân. Những kết quả nghiên cứu của luận văn là thật sự cần thiết, đáp ứng nhu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý, tác giả rất mong nhận được sự đóng góp của các nhà khoa học, các thầy, cô giáo và đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện và đáp ứng được những yêu cầu của việc nghiên cứu khoa học.

Xin trân trọng cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương (2017), Nghị quyết số Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.
2. Ban chấp hành Trung ương (2017), Nghị quyết số Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.
3. Bộ Tư pháp (2015), Báo cáo tổng kết 8 năm thi hành luật trợ giúp pháp lý.
4. Bộ Tư pháp (2013), Thông tư số 02/2013/TT-BTP ngày 05/01/2013 ban hành Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.
5. Bộ Tư pháp – Bộ Nội vụ (2008), Thông tư liên tịch số 08/2008/TTLT-BTP-BNV ngày 07/11/2008 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và biên chế của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.
6. Bộ Tư pháp (2017), Thông tư 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật TGPL và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động TGPL.
7. Bộ Tư pháp (2007), Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý.
8. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020.
9. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
10. Bộ Tư pháp (2008), Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về nghiệp vụ TGPL và quản lý nhà nước về TGPL.

11. Bộ Tư pháp (2013), Thông tư số 18/2013/TT-BTP ngày 20/11/2013 hướng dẫn cách tính thời gian và thủ tục thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý.
12. Bộ Tư pháp (2017), Thông tư số 05/2017/TT-BTP ngày 20/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 18/2013/TT-BTP ngày 20/11/2013 hướng dẫn cách tính thời gian và thủ tục thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý.
13. Chính phủ (2007), Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trợ giúp pháp lý.
14. Chính phủ (2013), Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của
15. Chính phủ (2017), Nghị định 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật TGPL.
16. Chính phủ (2012), Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
17. Chính phủ (2017), quyết định số 1355/QĐ-TTg ngày 12/9/2017 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Trợ giúp pháp lý.
18. Chính phủ (2017), Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017.
19. Huỳnh Văn Chura (2016), chỉ tiêu tham gia tổ tụng của Trợ giúp viên pháp lý, đôi điều cần bàn, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, Hà Nội.
20. Đại học Luật Hà Nội (2010), Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
21. Phạm Quang Đại (2017), Về đổi mới tổ chức và hoạt động TGPL, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Hà Nội.

22. Nguyễn Thị Kim Dung (2016) “Thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý từ thực tiễn thành phố Hà Nội”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học – xã hội.
23. Trần Thị Việt Hà (2015), Hoạt động TGPL của Luật sư ở Việt Nam hiện nay”, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
24. Hội đồng nhà nước, Pháp lệnh tổ chức Luật sư năm 1987
25. Thủ tướng Chính phủ (1997), Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách, Hà Nội.
26. Thủ tướng Chính phủ (2015), Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 01/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đổi mới công tác trợ giúp pháp lý giai đoạn 2015-2025.
27. Duy Kiên (2018), Trợ giúp pháp lý - những vấn đề đặt ra, tạp Chí Dân chủ và pháp luật, Hà Nội.
28. Giáo sư Nguyễn Lâm (2006), Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam, Nhà xuất bản Tp. Hồ Chí Minh.
29. Đỗ Xuân Lâm (2006), “Hoàn thiện các hình thức tiếp cận pháp luật của người nghèo ở Việt Nam hiện nay” – Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
30. Liên ngành (2007), Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT ngày 28/12/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định về TGPL trong hoạt động tố tụng.
31. Liên ngành (2013), Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.
32. Quốc hội (2006), Luật trợ giúp pháp lý, Hà Nội.
33. Quốc hội (2017), Luật Trợ giúp pháp lý, Hà Nội.
34. Quốc hội (2013), Hiến pháp 2013.

35. Quốc hội (2010), Luật viên chức.
36. Quốc hội (2008), Nghị quyết số 15/2008/QH12 về sát nhập địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan.
37. Thành phố Hà Nội (2008), Quyết định số 1672/QĐ-UBND ngày 30/10/2008 về việc thành lập Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội.
38. Thành phố Hà Nội (2009), Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 của UBND thành phố Hà Nội v/v phê duyệt đề án thành lập các chi nhánh thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước.
39. Thủ tướng Chính phủ (2017), Quyết định 619/QĐ-TTg ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn tiếp cận pháp luật.
40. Thủ tướng Chính phủ (2017), Quyết định 619/QĐ-TTg ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn tiếp cận pháp luật.
41. Thủ tướng Chính phủ (2015), Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 01/6/2015 phê duyệt đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015 - 2025.
42. Lê Thị Thúy (2012), Hoạt động TGPL trong các chương trình giảm nghèo, Luận văn thạc sỹ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
43. Thanh Trịnh (2017), Vị trí vai trò TGPL trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay, Công thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, Hà Nội.
44. Thanh Trịnh (2017), một số điểm mới nổi bật của Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 và các công việc cần triển khai”, Công thông tin của Bộ Tư pháp, Hà Nội.
45. Trung tâm TGPL nhà nước thành phố Hà Nội (2016), Báo cáo tổng kết công tác năm 2016 và phương hướng năm 2017.
46. Trung tâm TGPL nhà nước thành phố Hà Nội (2017), Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 và phương hướng công tác năm 2018.

47. Trung tâm TGPL nhà nước thành phố Hà Nội (2018), Báo cáo 10 năm thực hiện Nghị quyết số 15/2008/QH12 về sát nhập địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan.
48. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2017), Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 31/10/2017 triển khai thi hành Luật trợ giúp pháp lý.
49. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (1998), Quyết định số 1914/QĐ-UB ngày 13/5/1998 thành lập Trung tâm TGPL Nhà nước TP Hà Nội.
50. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (1998), Quyết định số 71/1998/QĐ-UB ngày 15/12/1998 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL của Nhà nước thành phố.
51. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (1997), Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 28/01/1997 của UBND tỉnh Hà Tây về việc thành lập Trung tâm TGPL của Nhà nước.
52. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (1998), Quyết định số 1066/1998/QĐ-UBND ngày 05/10/1998 về việc thành lập Trung tâm TGPL của Nhà nước tỉnh Hà Tây.
53. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (2007), Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 về việc đổi tên Trung tâm TGPL của Nhà nước tỉnh Hà Tây thành Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Hà Tây.
54. Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1995), Thông báo số 485-CV/VPTW ngày 31/5/1995 về ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư.
55. Nguyễn Như Ý (1999), Từ điển tiếng Việt, Nhà xuất bản Văn hoá – Thông tin.

PHỤ LỤC



Ảnh 1: Tuyên truyền pháp luật cho người khuyết tật tại Mỹ Đức - nguồn: Đài truyền thanh huyện Mỹ Đức



Ảnh 2: Trợ giúp pháp lý lưu động tại Trung tâm bảo trợ xã hội 4 - nguồn: Báo pháp luật và xã hội



Ảnh 3: Tư vấn tại cơ sở - nguồn: Tác giả



Ảnh 4: Luật sư tư vấn tại cơ sở - nguồn: tác giả



Ảnh 5: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1 - nguồn: tác giả